

Số: /KHLN-ĐT
V/v: điều chỉnh đề án tuyển sinh ĐHCQ
năm 2021

Hà Nội, ngày tháng 8 năm 2021

Kính gửi: Đại học Quốc gia Hà Nội
(qua Ban Đào tạo)

Thực hiện hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo và của Đại học Quốc gia Hà Nội (ĐHQGHN) về công tác tuyển sinh Đại học chính quy (ĐHCQ) năm 2021, Khoa Các khoa học liên ngành, ĐHQGHN (Khoa) đã hoàn thiện Đề án tuyển sinh ĐHCQ (Đề án) và triển khai theo quy định. Căn cứ công văn số 3190/BGDĐT-GDĐH ngày 30/7/2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về công tác tuyển sinh 2021 trong tình hình dịch COVID-19 và công văn số 2267/ĐHQGHN-ĐT ngày 02/8/2021 của ĐHQGHN về việc hướng dẫn thực hiện công tác tuyển sinh đại học chính quy năm 2021 trong tình hình dịch Covid-19, Khoa Các khoa học liên ngành xin báo cáo như sau:

- Khoa đã cập nhật ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào cho các ngành được tuyển sinh như sau:
 - Ngành Quản trị thương hiệu: **21 điểm**,
 - Ngành Quản trị tài nguyên di sản: **18 điểm**.
- Khoa đã rà soát lại Đề án để điều chỉnh các nội dung. Các điều chỉnh bao gồm:

Mục	Nội dung điều chỉnh	Giải thích
5.1.	<i>a. Ngưỡng xét tuyển</i> Bảng ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào do ĐHQGHN và Khoa CKHLN quy định năm 2021. <i>b. Điều kiện trúng tuyển</i> Các thí sinh đạt yêu cầu chuyên môn sẽ được xét trúng tuyển có điều kiện khi đáp ứng đủ các yêu cầu sau đây: + Tốt nghiệp kỳ thi THPT và tương đương theo quy định; + Hoàn thiện thủ tục và nhập học theo Quy định của Hội đồng tuyển sinh Khoa.	Bỏ các điều kiện phụ về điểm môn Ngoại ngữ (trên 4.0) và về tổng điểm ba môn Toán, Văn, Ngoại ngữ (trên 18 điểm)
5.3.	<i>b. Các thí sinh sử dụng chứng chỉ ngoại ngữ quốc tế</i> Thí sinh có chứng chỉ IELTS từ 5.5 trở lên hoặc các chứng chỉ ngoại ngữ quốc tế tương đương (quy định tại Phụ lục đính kèm, với điều kiện chứng chỉ còn hạn sử dụng trong khoảng thời gian 02 năm kể từ ngày dự thi) và có tổng điểm 2 môn còn lại trong tổ hợp xét tuyển đạt tối thiểu 12 điểm (trong đó bắt buộc có môn Toán hoặc môn Văn).	Thay nội dung “ <i>chứng chỉ Tiếng Anh quốc tế tương đương</i> ” bằng nội dung “ <i>chứng chỉ ngoại ngữ quốc tế tương đương</i> ”

Mục	Nội dung điều chỉnh	Giải thích
7.5	b. Cách tính điểm xét tuyển theo bài thi ĐGNL Ngưỡng điểm bài thi đánh giá năng lực được xét từ 80/150	Thay ngưỡng điểm bài thi ĐGNL trong Đề án cũ là 50/150
7.5.	c) <i>Cách tính điểm xét tuyển theo chứng chỉ Ngoại ngữ</i> ĐXT = Chứng chỉ ngoại ngữ + Môn 1 + Môn 2	Thay nội dung “ <i>IELTS, TOEFL iBT</i> ” bằng “ <i>chứng chỉ ngoại ngữ</i> ”

3. Khoa đã điều chỉnh, cập nhật các mốc thời gian xét tuyển theo các văn bản hướng dẫn của Bộ và của ĐHQGHN. Các nội dung cập nhật được thể hiện trong các mục tương ứng của Đề án tuyển sinh (bổ sung, cập nhật), được gửi kèm theo công văn này.

Khoa Các khoa học liên ngành trân trọng báo cáo ĐHQGHN. Kính đề nghị ĐHQGHN cho phép cập nhật các thông tin nói trên để kịp thời phục vụ công tác tuyển sinh của Khoa.

Xin trân trọng cảm ơn.

CHỦ NHIỆM KHOA

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Lưu: ĐT&CTSV, TT-TS, T4

Nguyễn Văn Hiệu

ĐỀ ÁN TUYỂN SINH ĐẠI HỌC NĂM 2021 (Bổ sung, điều chỉnh)
(Kèm theo công văn số /KHLN-ĐT ngày /8/2021 của Chủ nhiệm Khoa Các khoa học liên ngành, Đại học Quốc gia Hà Nội)

I. Thông tin chung

Địa chỉ: Khoa Các khoa học liên ngành, 144 Xuân Thủy, Cầu Giấy, Hà Nội
Tỉnh/Thành phố: Hà Nội Quận/Huyện: Cầu Giấy
Điện thoại: 0243 754 7615 – 0243 754 7619 Hotline: 0912775237
Email: tuyensinhlienganh@vnu.edu.vn Website: <http://sis.vnu.edu.vn>

1. Tên Khoa, sứ mệnh, địa chỉ các trụ sở

Khoa Các khoa học liên ngành (sau đây gọi tắt là Khoa, viết tắt là Khoa CKHLN) là đơn vị trực thuộc Đại học Quốc gia Hà Nội (ĐHQGHN), được đổi tên từ Khoa Sau đại học theo Quyết định số 248/QĐ-ĐHQGHN ngày 20/01/2017 của Giám đốc ĐHQGHN. Nhiệm vụ trọng tâm của Khoa là thực hiện những chương trình đào tạo đại học, sau đại học mới, có tính liên ngành, liên lĩnh vực; Thực hiện các hoạt động nghiên cứu khoa học với đặc thù liên ngành phục vụ đào tạo đại học, sau đại học; Thực hiện các hoạt động phục vụ, dịch vụ trong phạm vi lĩnh vực chuyên môn phù hợp.

Khoa Các khoa học liên ngành là đơn vị đặc thù trong ĐHQGHN, với kì vọng trở thành đơn vị phát triển các khoa học liên ngành, liên lĩnh vực, trên cơ sở kết nối và khai thác hiệu quả nguồn lực chung của toàn ĐHQGHN. Khoa là đầu mối tập hợp nguồn lực chung của ĐHQGHN trong việc tổ chức thực hiện đào tạo và nghiên cứu các khoa học liên ngành, liên lĩnh vực, cung cấp cho xã hội nguồn nhân lực và dịch vụ chất lượng cao với tư duy và cách tiếp cận liên ngành để giải quyết vấn đề trong thực tiễn.

Từ khi thành lập, Khoa đã có hơn 19 năm kinh nghiệm trong tổ chức và quản lý đào tạo sau đại học với hai giai đoạn phát triển chính: Trong giai đoạn 2002-2011, với vai trò là một đơn vị quản lý sau đại học của ĐHQGHN, Khoa đóng vai trò đơn vị tham mưu cho ĐHQGHN trong công tác đào tạo sau đại học và đã có nhiều đóng góp trong xây dựng hệ thống quản lý đào tạo sau đại học ở ĐHQGHN. Cũng trong giai đoạn này, Khoa đã tham gia xây dựng một số chương trình đào tạo (CTĐT) mang tính liên ngành như chương trình thạc sĩ Vật liệu và Linh kiện Nano của Trường Đại học Công nghệ (năm 2003); chương trình thạc sĩ về Môi trường trong Phát triển bền vững của Trung tâm Nghiên cứu Tài nguyên và Môi trường (năm 2004). Kinh nghiệm trong quản lý và đào tạo là một trong những thế mạnh của Khoa giúp đẩy mạnh việc phát hiện, xây dựng và tổ chức các chương trình đào tạo mới. Bên cạnh đó, nhờ cơ cấu tổ chức có tính đặc thù của mình, Khoa có khả năng trong việc kết nối và huy động sự tham gia của các nhà khoa học ở nhiều đơn vị trong và ngoài ĐHQGHN và thuộc nhiều lĩnh vực chuyên môn khác nhau để hiện thực hóa các ý

tuởng, đề xuất thí điểm triển khai tổ chức các chương trình đào tạo có tính liên ngành, liên lĩnh vực.

Giai đoạn từ nửa cuối năm 2011 đến nay, Khoa đã lần lượt xây dựng 04 chương trình đào tạo (CTĐT) Thạc sĩ và đang tổ chức đào tạo ba chương trình đào tạo liên ngành là Thạc sĩ Biến đổi khí hậu (BĐKH, từ năm 2011), Thạc sĩ Khoa học bền vững (KHBV, từ năm 2014); chương trình thạc sĩ Quản lý Phát triển Đô thị (QLPTĐT) bắt đầu tổ chức đào tạo từ tháng 11/2018. Từ năm 2020, Khoa bắt đầu đào tạo chương trình Thạc sĩ Di sản học (DSH) và Tiến sĩ Biến đổi khí hậu và phát triển bền vững (BĐKH&PTBV). Đến hết năm 2020, Khoa đã đào tạo được 257 thạc sĩ thuộc chuyên ngành BĐKH và chuyên ngành KHBV trên tổng số 560 học viên nhập học. Các học viên tốt nghiệp chuyên ngành BĐKH, KHBV làm việc tại nhiều cơ quan, tổ chức, ban ngành như Bộ Tài nguyên và Môi trường, Bộ Khoa học và Công nghệ, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, các trung tâm nghiên cứu, các tổ chức phi chính phủ, các công ty/doanh nghiệp, v.v.

Với đặc thù của một đơn vị đào tạo liên ngành, đến nay Khoa đã kết nối và cộng tác với hơn 250 giảng viên tham gia vào công tác giảng dạy và hướng dẫn và đánh giá luận văn thạc sĩ, trong đó có 76 giảng viên thuộc ĐHQGHN. Trong quá trình tổ chức đào tạo, Khoa cũng đã chú trọng đến các hoạt động hợp tác quốc tế thông qua trao đổi sinh viên và học giả giữa Khoa và một số cơ sở đào tạo nước ngoài như Viện Nghiên cứu Cao cấp về tính bền vững, Đại học Liên Hợp Quốc tại Tokyo (IAS-UNU), Đại học bang California tại Long Beach, Hoa Kỳ, Đại học Khoa học Hàn Quốc. Quá trình đào tạo thạc sĩ tại Khoa không những đóng góp nguồn nhân lực có tư duy và cách tiếp cận liên ngành cho xã hội mà còn tạo ra những giá trị nhất định về mặt khoa học. Đã có một số luận văn được viết và bảo vệ bằng Tiếng Anh và được đánh giá cao về chất lượng khoa học. Một số đề tài nghiên cứu đã thể hiện tiềm năng phát triển về khoa học ở mức độ cao hơn, thể hiện qua một số công bố ở các tạp chí, hội thảo, diễn đàn quốc tế. Những kinh nghiệm trong xây dựng, tổ chức đào tạo, một số thành tích trong quá trình đào tạo và mạng lưới giảng viên, cộng tác viên của Khoa là những cơ sở vững chắc để Khoa có thể xây dựng và tổ chức đào tạo các chương trình mang tính liên ngành ở các bậc đào tạo khác nhau.

Về nghiên cứu khoa học, với chiến lược phát triển đội ngũ cán bộ khoa học cơ hữu bên cạnh việc sử dụng nguồn lực chung của ĐHQGHN, Khoa đã từng bước thu hút các nhà khoa học có chuyên môn vững vàng, đáp ứng yêu cầu của các chương trình đào tạo. Hàng năm, các nhà khoa học, các giảng viên của Khoa chủ trì và thực hiện nhiều đề tài, dự án các cấp của ĐHQGHN, các nhiệm vụ, đề án phối hợp với một số Bộ, Ngành, góp phần quan trọng vào thúc đẩy hoạt động nghiên cứu khoa học và công nghệ. Tính từ năm 2017 đến nay, cán bộ Khoa đã công bố một số bài báo ISI/Scopus, và có các bài báo đăng trên các ấn phẩm khoa học chuyên ngành và tham gia báo cáo tại các hội thảo khoa học trong nước và quốc tế.

Bên cạnh hoạt động xuất bản khoa học, Khoa không ngừng thúc đẩy các hoạt động quốc tế dưới nhiều hình thức song phương và đa phương, như trao đổi tài liệu khoa học, trao đổi học giả và sinh viên, tổ chức hội thảo quốc tế, phối hợp triển khai các đề tài nghiên cứu chung... Các hoạt động hợp tác quốc tế này ngày càng góp phần quan trọng vào việc mở rộng quy mô, nâng cao chất lượng đào tạo và quảng bá được vị thế của Khoa.

Quan điểm phát triển

Phát triển Khoa Các khoa học liên ngành phù hợp với chiến lược phát triển của ĐHQGHN, hướng tới xây dựng Khoa trở thành cơ sở giáo dục đại học định hướng ứng dụng để phát triển các khoa học liên ngành mới dựa trên quan điểm đào tạo gắn với nghiên cứu khoa học, nhằm cung cấp nguồn nhân lực chất lượng cao có tư duy tổng hợp, cách tiếp cận liên ngành, góp phần giải quyết các bài toán thực tiễn và đáp ứng nhu cầu phát triển đất nước trong tình hình mới.

Đẩy mạnh đào tạo gắn với thị trường lao động, tích cực kết nối với các đơn vị sử dụng lao động trong đào tạo, nghiên cứu và ứng dụng khoa học công nghệ, sản xuất và quản lí.

Sứ mệnh

Đầu mối kết nối và khai thác một cách hiệu quả nguồn lực chung của ĐHQGHN để tổ chức thực hiện đào tạo và nghiên cứu các khoa học liên ngành, liên lĩnh vực nhằm đáp ứng yêu cầu của xã hội về nguồn nhân lực chất lượng cao có tư duy và cách giải quyết vấn đề liên ngành, cung cấp các dịch vụ, tư vấn khoa học công nghệ và đào tạo phù hợp với chức năng nhiệm vụ của Khoa.

Tầm nhìn

Trở thành một cơ sở giáo dục đại học theo định hướng ứng dụng chất lượng cao, là môi trường thu hút các nhà khoa học, đặc biệt là các nhà khoa học hàng đầu có nhiều kinh nghiệm trong chuyên môn của mình cùng tham gia và cộng tác để phát triển các khoa học liên ngành, liên lĩnh vực, gắn với nhu cầu thực tiễn của xã hội, góp phần định hình cho khoa học liên ngành ở Việt Nam và đóng góp vào tiến trình phát triển bền vững của đất nước.

Giá trị cốt lõi

Liên ngành - Hợp tác - Phát triển

Khẩu hiệu hành động

Làm chủ thế giới bằng tri thức liên ngành

Mục tiêu chung

Đến năm 2025, Khoa trở thành một đơn vị đào tạo nghiên cứu và chuyển giao công nghệ, tri thức liên ngành với nền tảng và nguồn lực bền vững, mạng lưới đối tác phong phú, đa dạng và đáp ứng được các yêu cầu phát triển Khoa và góp phần phát triển ĐHQGHN.

Đến năm 2035, Khoa sẽ trở thành một trường đại học có vị thế trong hệ thống giáo dục Việt Nam, có thế mạnh về đào tạo và nghiên cứu các khoa học liên ngành, liên lĩnh vực.

Mục tiêu cụ thể

- Đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, có tư duy và cách tiếp cận liên ngành, góp phần vào định hướng phát triển các khoa học liên ngành ở ĐHQGHN.

- Nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và chuyển giao tri thức phục vụ đào tạo và phát triển khoa học liên ngành ở ĐHQGHN.

- Nâng cao vị thế và tầm ảnh hưởng của Khoa trong và ngoài ĐHQGHN trong các hoạt động cung ứng sản phẩm đào tạo và nghiên cứu khoa học theo tiếp cận liên ngành.

Địa chỉ trụ sở

TT	Loại cơ sở	Tên cơ sở	Địa điểm	Diện tích đất	Diện tích xây dựng
1	Cơ sở đào tạo chính	Khoa Các khoa học liên ngành	G7, 144 Xuân Thủy, Cầu Giấy, Hà Nội	Dùng chung	400 m ²

2. Quy mô đào tạo

Khối ngành	Quy mô hiện tại			
	NCS	Học viên CH	ĐH, CDSP, TCSP	
			GD chính quy	GDTX
Liên ngành				
- Biến đổi khí hậu		54	-	-
- Khoa học bền vững		52		
- Quản lý phát triển đô thị		30		
- Di sản học		9		
- Biến đổi khí hậu và phát triển bền vững	4			
Tổng	4	145	-	-

3. Thông tin về tuyển sinh chính quy của 2 năm gần nhất

Khoa CKHLN bắt đầu triển khai đào tạo đại học từ năm 2021 với các ngành đào tạo đại học đầu tiên là Quản trị thương hiệu (Mã ngành: 7349001) và Quản trị tài nguyên di sản (Mã ngành: 7349002).

II. Thông tin về các điều kiện đảm bảo chất lượng (*)

1. Cơ sở vật chất phục vụ đào tạo và nghiên cứu

1.1. Thống kê diện tích đất, diện tích sàn xây dựng, ký túc xá

- Khoa Các KHLN là đơn vị thành viên của ĐHQGHN, được sử dụng chung cơ sở vật chất (bao gồm hội trường, giảng đường, phòng học, thư viện...) của ĐHQGHN.

- Số chỗ ở ký túc xá sinh viên: Dùng chung trong ĐHQGHN, đáp ứng nhu cầu thực tiễn về số lượng sinh viên đăng kí.

1.2. Thống kê các phòng thực hành, phòng thí nghiệm và các trang thiết bị

- Khoa CKHLN sử dụng chung trang thiết bị, phòng thí nghiệm của các đơn vị đào tạo, Viện, Trung tâm nghiên cứu trực thuộc Đại học Quốc gia Hà Nội.

1.3. Thống kê phòng học

TT	Loại phòng	Tổng số	Tổng diện tích sàn xây dựng (m ²)
1.	Hội trường, giảng đường, phòng học các loại, phòng đa năng, phòng làm việc của giáo sư, phó giáo sư, giảng viên cơ hữu	11	706
1.1	Hội trường, phòng học lớn trên 200 chỗ	0	0
1.2	Phòng học từ 100 - 200 chỗ	1	160
1.3	Phòng học từ 50 - 100 chỗ	4	326
1.4	Số phòng học dưới 50 chỗ	2	120
1.5	Số phòng học đa phương tiện	0	0
1.6	Phòng làm việc của giáo sư, phó giáo sư, giảng viên cơ hữu	3	75
2.	Thư viện, trung tâm học liệu	1	Thư viện dùng chung trong ĐHQGHN
3.	Trung tâm nghiên cứu, phòng thí nghiệm, thực nghiệm, cơ sở thực hành, thực tập, luyện tập	0	0
	Tổng cộng	22	706+

1.4. Thống kê về học liệu (giáo trình, học liệu, tài liệu, sách tham khảo...sách, tạp chí, kể cả ebook, cơ sở dữ liệu điện tử) trong thư viện

- Khoa CKHLN sử dụng hệ thống thư viện của Trung tâm Thông tin thư viện, Đại học Quốc gia Hà Nội và các tài nguyên liên quan.

1.5. Danh sách giảng viên cơ hữu và giảng viên thỉnh giảng

- Các giảng viên được tính vào cơ hữu mở ngành của CTĐT là cán bộ giảng viên của các đơn vị thuộc ĐHQGHN, đều có giấy đồng ý và có xác nhận của cơ quan chủ quản về việc tham gia là giảng viên cơ hữu của CTĐT.

- Giảng viên thỉnh giảng được tính là cán bộ tham gia giảng dạy ít nhất 01 học phần của một CTĐT. Giảng viên thỉnh giảng (đối với các chương trình đào tạo bậc đại học) đã nhận lời tham gia giảng dạy tại các CTĐT sẽ mở tại Khoa.

- Danh sách Giảng viên cơ hữu của các chương trình và giảng viên thỉnh giảng được trình bày ở **Phụ lục 1** và **Phụ lục 2**.

III. Các thông tin của năm tuyển sinh

1. Đối tượng tuyển sinh

- Thí sinh đã tốt nghiệp chương trình THPT của Việt Nam (theo hình thức giáo dục chính quy hoặc giáo dục thường xuyên) hoặc đã tốt nghiệp trình độ trung cấp (trong đó, người tốt nghiệp trình độ trung cấp nhưng chưa có bằng tốt nghiệp THPT phải học và thi đạt yêu cầu đủ khối lượng kiến thức văn hóa THPT theo quy định của Luật Giáo dục và các văn bản hướng dẫn thi hành) hoặc đã tốt nghiệp chương trình THPT của nước ngoài (đã được nước sở tại cho phép thực hiện, đạt trình độ tương đương trình độ THPT của Việt Nam) ở nước ngoài hoặc ở Việt Nam (sau đây gọi chung là tốt nghiệp THPT).

- Có đủ sức khỏe để học tập theo quy định hiện hành. Đối với người khuyết tật được cấp có thẩm quyền công nhận bị dị dạng, dị tật, suy giảm khả năng tự lực trong sinh hoạt và học tập thì hiệu trưởng các trường xem xét, quyết định cho dự tuyển vào các ngành học phù hợp với tình trạng sức khỏe.

- Thí sinh là người nước ngoài đáp ứng các quy định về việc thu hút và quản lý sinh viên quốc tế tại Đại học Quốc gia Hà Nội quy định tại Quyết định số 4848/QĐ-ĐHQGHN ngày 18/12/2017 của Giám đốc ĐHQGHN.

2. Phạm vi tuyển sinh

Khoa CKHLN tổ chức tuyển sinh trên toàn quốc.

3. Phương thức và chỉ tiêu tuyển sinh

a) Xét tuyển đợt 1

TT	Phương thức tuyển sinh	Chỉ tiêu
1	Xét tuyển dựa trên kết quả thi THPT năm 2021 theo tổ hợp các môn thi/bài thi tương ứng	126
2	Xét tuyển dựa trên kết quả bài thi đánh giá năng lực học sinh THPT của ĐHQGHN tổ chức năm 2021	18
3	Xét tuyển theo phương thức khác	36
-	<i>Xét tuyển thẳng và ưu tiên xét tuyển theo các quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo, quy định đặc thù, Hướng dẫn tuyển sinh của ĐHQGHN</i>	
-	<i>Xét tuyển kết quả trong các kỳ thi chuẩn hóa quốc tế SAT, ACT</i>	
-	<i>Xét tuyển chứng chỉ ngoại ngữ quốc tế (tiếng Anh), kết hợp tổng điểm 02 môn thi tốt nghiệp THPT trong tổ hợp xét tuyển tương ứng</i>	
-	<i>Xét tuyển chứng chỉ A-Level</i>	

b) Xét tuyển đợt bổ sung

Xét tuyển dựa vào kết quả thi THPT năm 2021 và kết quả thi ĐGNL do ĐHQGHN tổ chức đối với các ngành còn chỉ tiêu tuyển sinh.

4. Các chuyên ngành tuyển sinh đại học chính quy năm 2021

TT	Tên ngành	Mã ngành	Số quyết định, ngày ban hành	CQ có thẩm quyền cho phép	Năm bắt đầu đào tạo
1	Quản trị thương hiệu	7340901	3965/QĐ-ĐHQGHN ngày 18/12/2020	ĐHQGHN	2021
2	Quản trị tài nguyên di sản	7349002	683/QĐ-ĐHQGHN ngày 17/03/2021	ĐHQGHN	2021

5. Ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào, điều kiện nhận ĐKXT

5.1. Đối với thí sinh đăng ký xét tuyển sử dụng kết quả thi tốt nghiệp THPT

a. Ngưỡng xét tuyển

Bằng ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào do ĐHQGHN và Khoa CKHLN quy định năm 2021.

b. Điều kiện trúng tuyển

Các thí sinh đạt yêu cầu chuyên môn sẽ được xét trúng tuyển có điều kiện khi đáp ứng đủ các yêu cầu sau đây:

- + Tốt nghiệp kỳ thi THPT và tương đương theo quy định;
- + Hoàn thiện thủ tục và nhập học theo Quy định của Hội đồng tuyển sinh Khoa.

5.2. Đối với thí sinh đăng ký xét tuyển sử dụng điểm của bài thi đánh giá năng lực trung học phổ thông do ĐHQGHN tổ chức

Ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào đối với thí sinh sử dụng kết quả thi ĐGNL do ĐHQGHN tổ chức năm 2021 sẽ được ĐHQGHN công bố trước khi thí sinh ĐKXT.

5.3. Đối với thí sinh xét tuyển theo phương thức khác

a. Các thí sinh thuộc diện tuyển thẳng và ưu tiên xét tuyển

Ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào được thực hiện theo Hướng dẫn xét tuyển thẳng và ưu tiên xét tuyển đại học năm 2021 của ĐHQGHN.

b. Các thí sinh sử dụng chứng chỉ ngoại ngữ quốc tế

Thí sinh có chứng chỉ IELTS từ 5.5 trở lên hoặc các chứng chỉ ngoại ngữ quốc tế tương đương (*quy định tại Phụ lục đính kèm, với điều kiện chứng chỉ còn hạn sử dụng trong khoảng thời gian 02 năm kể từ ngày dự thi*) và có tổng điểm 2 môn còn lại trong tổ hợp xét tuyển đạt tối thiểu 12 điểm (*trong đó bắt buộc có môn Toán hoặc môn Văn*).

c. Thí sinh có chứng chỉ quốc tế A-Level

Thí sinh sử dụng chứng chỉ A-Level có kết quả 03 môn phù hợp với yêu cầu của các ngành đào tạo tại Khoa, trong đó ít nhất có một trong hai môn Toán hoặc Ngữ văn. Mức điểm mỗi môn thi đạt từ 60/100 điểm trở lên (tương ứng điểm C, PUM range ≥ 60).

d. Thí sinh sử dụng kết quả kỳ thi chuẩn hóa SAT (Scholastic Assessment Test, Hoa Kỳ)

Thí sinh phải đạt điểm từ là 1100/1600 (chứng chỉ còn hạn sử dụng trong khoảng thời gian 02 năm kể từ ngày dự thi). Mã đăng ký của ĐHQGHN với tổ chức thi SAT (*The College Board*) là **7853-Vietnam National University-Hanoi** (thí sinh phải khai báo mã đăng ký trên khi đăng ký thi SAT).

e. Thí sinh sử dụng kết quả kỳ thi chuẩn hóa ACT (American College Testing)

Thí sinh phải đạt điểm từ 22/36 trong đó các điểm thành phần môn Toán (Mathematics) $\geq 35/60$ và môn Khoa học (Science) $\geq 22/40$.

6. Các thông tin cần thiết

- Mã số Khoa: QHK

Mã ngành	Tên ngành	Chỉ tiêu			Tổ hợp môn xét tuyển			
			KQ thi TN THPT 2021	Theo phương thức khác	TH1	TH2	TH3	TH4
7349001	Quản trị thương hiệu	120	96	24	A00	A01	C00	D01, D03, D04
7349002	Quản trị tài nguyên di sản	60	48	12	A01	C00	D01, D03, D04	D78, D82, D83

- Danh sách tổ hợp môn thi THPT năm 2021

A00: Toán, Vật lí, Hoá học	D01: Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh	D78: Ngữ văn, Khoa học xã hội, Tiếng Anh
A01: Toán, Vật lí, Tiếng Anh	D03: Toán, Ngữ văn, Tiếng Pháp	D82: Ngữ văn, Khoa học xã hội, Tiếng Pháp
C00: Ngữ văn, Lịch sử, Địa lý	D04: Toán, Ngữ văn, Tiếng Trung	D83: Ngữ văn, Khoa học xã hội, Tiếng Trung

7. Tổ chức tuyển sinh

7.1. Thời gian xét tuyển

a) Thời gian xét tuyển đợt 1

- Đối với thí sinh đăng ký xét tuyển thẳng (XTT), ưu tiên xét tuyển (UTXT): từ ngày 01/06 đến ngày 28/07/2021;

- Đối với thí sinh sử dụng kết quả kì thi tốt nghiệp THPT năm 2021: Các mốc thời gian thực hiện theo Hướng dẫn tuyển sinh của Bộ GD&ĐT.

- Đối với thí sinh sử dụng phương thức xét tuyển kết hợp (IELTS và các chứng chỉ tương đương + điểm 2 môn thi tốt nghiệp THPT, ĐGNL do ĐHQGHN tổ chức): Từ ngày 24/7 đến 17h00 ngày 30/7/2021;

- Đối với thí sinh sử dụng kết quả thi SAT, ACT, A-Level: Từ ngày 30/07 đến 17h00 ngày 04/08/2021.

b) Thời gian xét tuyển đợt bổ sung (nếu có)

Khoa sẽ xét tuyển bổ sung ngay sau khi kết thúc xét tuyển đợt 1. Thông tin cụ thể sẽ được thông báo trên trang thông tin tuyển sinh của Khoa (<https://sis.vnu.edu.vn>) và Cổng thông tin tuyển sinh của ĐHQGHN (<http://tuyensinh.vnu.edu.vn>).

- Thời hạn nhận hồ sơ: Trước 24/9/2021.

7.2. Kế hoạch và yêu cầu cụ thể của từng phương thức xét tuyển

7.2.1. Xét tuyển thẳng & ưu tiên xét tuyển theo quy chế tuyển sinh hiện hành của Bộ GD&ĐT

a) Hồ sơ:

Thực hiện theo quy định của Bộ GD&ĐT (Tải Phiếu ở Phụ lục 6,7 tương ứng).

b) Thời gian và địa điểm đăng ký:

- Trước ngày 20/5/2021: Thí sinh gửi Hồ sơ xét tuyển thẳng, ưu tiên xét tuyển về Sở Giáo dục và Đào tạo.

- Trước ngày 31/5/2021: Sở Giáo dục và Đào tạo gửi hồ sơ xét tuyển thẳng và ưu tiên xét tuyển về bộ phận Tuyển sinh, Khoa Các khoa học liên ngành, Đại học Quốc gia Hà Nội (Phòng 402, nhà G7, số 144 Xuân Thủy, Cầu Giấy, Hà Nội)

7.2.2. Xét tuyển thẳng & ưu tiên xét tuyển theo quy định của Đại học Quốc gia Hà Nội

a) Hồ sơ:

- Phiếu ĐKXT thẳng, ưu tiên xét tuyển (Thí sinh tải Phiếu ĐKXT thẳng, ưu tiên tại Phụ lục 8, 9 tương ứng);

- Bản sao hợp lệ minh chứng:

+ Giấy chứng nhận đoạt giải trong các kỳ thi (nếu có);

+ Giấy xác nhận là thành viên chính thức của đội tuyển tham dự các kỳ thi (nếu có);

+ Bản photo có công chứng học bạ 3 năm học THPT (đối với thí sinh thuộc điểm a, c, d của mục 8.1.2);

- Hai phong bì ghi rõ họ tên, địa chỉ liên lạc, số điện thoại của thí sinh;

- Hai ảnh chân dung cỡ 4x6 chụp trong vòng 6 tháng tính đến ngày nộp hồ sơ (ghi rõ họ tên, ngày sinh ở mặt sau ảnh).

b) Thời gian và địa điểm đăng ký:

Từ ngày 25/05/2021 đến trước 17h00 ngày 18/07/2021: Thí sinh nộp hồ sơ xét tuyển thẳng, ưu tiên xét tuyển trực tiếp hoặc gửi chuyển phát nhanh theo đường bưu điện về địa chỉ: Vũ Thanh Ngọc, Bộ phận Tuyển sinh, Khoa Các khoa học liên ngành, Đại học Quốc gia Hà Nội (phòng 402, nhà G7, số 144, Xuân Thủy, Cầu Giấy, Hà Nội).

Danh mục các nhóm ngành/ngành đúng hoặc nhóm ngành/ngành gần với môn thi / đề tài dự thi dành cho thí sinh thuộc đối tượng xét tuyển thẳng, ưu tiên xét tuyển theo quy định của Bộ GD&ĐT, của ĐHQGHN.

STT	Môn thi/ Đề tài dự thi	Tên nhóm ngành đúng/nhóm ngành gần	Mã nhóm ngành
1.	- Toán học, - Vật lý - Ngữ Văn - Ngoại ngữ - Đề tài dự thi KHKT phù hợp	Quản trị thương hiệu	73490
2.	- Ngữ văn - Toán học - Lịch sử - Địa lý - Ngoại ngữ - Đề tài dự thi KHKT phù hợp	Quản trị tài nguyên di sản	73490

7.2.3. Xét tuyển thí sinh theo phương thức khác (kết hợp chứng chỉ ngoại ngữ tương đương + điểm 2 môn thi THPT), bài thi ĐGNL của ĐHQGHN tổ chức và thí sinh có chứng chỉ quốc tế SAT, A-Level, ACT

a) Hồ sơ:

- 01 Phiếu ĐKXT (Thí sinh tải Phiếu ĐKXT trong Phụ lục 10, 11, 12, 13 tương ứng);

- Bản sao hợp lệ: Chứng chỉ quốc tế của Trung tâm Khảo thí Đại học Cambridge, Vương quốc Anh (A-Level); Chứng nhận kết quả kỳ thi chuẩn hóa SAT; Chứng nhận kết quả kỳ thi chuẩn hóa ACT; Chứng chỉ tiếng Anh IELTS hoặc TOEFL iBT hoặc các chứng chỉ ngoại ngữ tương đương khác;

- 02 ảnh 4 x 6 chụp trong phạm vi 6 tháng tính đến ngày nộp hồ sơ (cho ảnh vào phong bì riêng, ghi rõ họ tên và ngày sinh).

b) Thời gian và địa điểm đăng ký

- Đối với thí sinh theo phương thức kết hợp: Từ ngày 5/7 đến 17h00 ngày 27/7/2021;

- Đối với thí sinh có chứng chỉ quốc tế: Từ ngày 10/7/2021 đến trước 17h00 ngày 30/7/2021;

- Đối với thí sinh đăng kí xét tuyển bằng điểm thi ĐGNL: từ ngày 5/7 đến 17h00 ngày 07/8/2021;

- Thí sinh nộp hồ sơ đăng ký xét tuyển trực tiếp hoặc gửi chuyển phát nhanh qua bưu điện về địa chỉ: Vũ Thanh Ngọc, Bộ phận Tuyển sinh, Khoa Các khoa học liên ngành, Đại học Quốc gia Hà Nội (phòng 402, nhà G7, số 144, Xuân Thủy, Cầu Giấy, Hà Nội).

7.2.4. Xét tuyển thí sinh theo kết quả thi Tốt nghiệp THPT 2021

a) Thí sinh nộp phiếu ĐKXT, hồ sơ đăng ký dự thi THPT, lệ phí ĐKXT theo quy định của Sở GDĐT/Bộ GDĐT. Thí sinh được ĐKXT không giới hạn số nguyện vọng và phải sắp xếp nguyện vọng theo thứ tự ưu tiên từ cao xuống thấp (nguyện vọng 1 là nguyện vọng cao nhất). Thí sinh chỉ trúng tuyển vào một nguyện vọng ưu tiên cao nhất trong danh sách các nguyện vọng đã đăng ký;

b) Sau khi có kết quả thi tốt nghiệp THPT 2021, HĐTS công bố mức điểm nhận hồ sơ xét tuyển (**trước 17h00, ngày 05/8/2021**): Thí sinh được điều chỉnh nguyện vọng ĐKXT 03 lần trong thời gian quy định và chỉ được sử dụng một trong hai phương thức: trực tuyến (**từ 29/8/2021 đến 17h00 ngày 05/9/2021**) hoặc trực tiếp tại điểm thu nhận hồ sơ bằng Phiếu ĐKXT (**từ 29/8/2021 đến 17h00 ngày 05/9/2021**);

c) Thí sinh kiểm tra kết quả điều chỉnh nguyện vọng ĐKXT và đề nghị điều chỉnh sai sót nếu có (chỉ áp dụng đối với thí sinh điều chỉnh nguyện vọng ĐKXT bằng phiếu) **trước 17h00 ngày 05/9/2021**.

d) HĐTS căn cứ vào kết quả thi để xét tuyển bình đẳng tất cả các nguyện vọng của thí sinh đăng ký. Điểm xét tuyển là tổng điểm các bài thi/môn thi theo thang điểm 10 đối với từng bài thi/môn thi của từng tổ hợp xét tuyển (tính đến 2 chữ số thập phân sau dấu phẩy không làm tròn số); cộng với điểm ưu tiên đối tượng, khu vực theo Điều 7 của Quy chế tuyển sinh. Trường hợp các thí sinh bằng điểm xét tuyển ở cuối danh sách thì ưu tiên thí sinh có nguyện vọng ưu tiên cao hơn.

7.3. Thời gian công bố trúng tuyển và xác nhận nhập học

7.3.1. Đối với thí sinh XTT và UTXT:

a) Công bố

Trước ngày **31/07/2021**, thí sinh xem danh sách trúng tuyển tại địa chỉ: <https://tuyensinh.vnu.edu.vn/>.

b) Thời gian và địa điểm xác nhận nhập học

Trước 17h00 ngày 10/8/2021: Thí sinh trúng tuyển theo phương thức xét tuyển thẳng; ưu tiên xét tuyển theo quy định của Bộ GD&ĐT, quy định của ĐHQGHN nộp bản sao học bạ (kèm bản chính học bạ để kiểm tra, đối chiếu) và bản chính minh chứng để xác nhận nhập học tại Phòng Đào tạo, Khoa Các khoa học liên ngành (Phòng 506, nhà G7, số 144, Xuân Thủy, Cầu Giấy, Hà Nội).

Thí sinh trúng tuyển phải xác nhận nhập học trong thời hạn quy định. Quá thời hạn quy định, thí sinh không xác nhận nhập học được xem như từ chối nhập học và HĐTS được xét tuyển thí sinh khác trong đợt xét tuyển bổ sung.

7.3.2. Đối với thí sinh xét tuyển theo phương thức kết hợp (IELTS/ chứng chỉ ngoại ngữ tương đương + điểm 2 môn thi THPT; ĐGNL của ĐHQGHN tổ chức) và thí sinh có chứng chỉ quốc tế SAT, A-Level, ACT.

a) Công bố

- Đối với phương thức kết hợp: **trước ngày 10/8/2021** thí sinh xem danh sách trúng tuyển tại địa chỉ <https://tuyensinh.vnu.edu.vn/>

- Đối với phương thức xét chứng chỉ quốc tế: **Trước ngày 10/08/2021**, thí sinh xem danh sách trúng tuyển tại địa chỉ <https://tuyensinh.vnu.edu.vn/>.

b) Thời gian và địa điểm xác nhận nhập học

Trước 17h00 ngày 12/8/2021: Thí sinh trúng tuyển theo các phương thức trên nộp bản sao học bạ (kèm bản chính học bạ để kiểm tra, đối chiếu) và bản chính minh chứng để xác nhận nhập học tại Phòng Đào tạo và Công tác sinh viên, Khoa Các khoa học liên ngành (Phòng 506, nhà G7, số 144, Xuân Thủy, Cầu Giấy, Hà Nội).

Thí sinh trúng tuyển phải xác nhận nhập học trong thời hạn quy định. Quá thời hạn quy định, thí sinh không xác nhận nhập học được xem như từ chối nhập học và HĐTS được xét tuyển thí sinh khác trong đợt xét tuyển bổ sung.

7.3.3. *Đối với thí sinh xét tuyển theo điểm thi THPT:*

a) HĐTS công bố kết quả trúng tuyển đợt 1 tại website <http://tuyensinh.vnu.edu.vn>, dự kiến **trước 17h00 ngày 16/09/2021**;

b) Thí sinh xác nhận nhập học vào Khoa CKHLN bằng hình thức trực tuyến tại địa chỉ: <http://tuyensinh.vnu.edu.vn> đồng thời gửi chuyển phát nhanh Giấy chứng nhận kết quả thi (bản chính) về Khoa CKHLN (phòng 506, tòa nhà G7, Số 144, Xuân Thủy, Cầu Giấy, Hà Nội) **dự kiến trước 17h00 ngày 26/09/2021**, tính theo dấu bưu điện. Một số vấn đề lưu ý về việc xác nhận nhập học và cách thức xác nhận nhập học trực tuyến cụ thể như sau:

- Đăng nhập vào địa chỉ tuyensinh.vnu.edu.vn mục “**ĐẠI HỌC**” và “**Kết quả xét tuyển và Nhập học**” hoặc sis.vnu.edu.vn.

- Nhập **MÃ ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN** (ghi trên Giấy chứng nhận kết quả thi THPT năm 2021) để **XÁC NHẬN** nhập học vào Khoa CKHLN. Mã đăng ký xét tuyển chỉ được sử dụng duy nhất 01 lần. Thí sinh đã sử dụng mã đăng ký xét tuyển vào Khoa CKHLN sẽ không được phép rút/hủy hồ sơ hay xác nhận vào bất kỳ trường đại học/cơ sở giáo dục nào khác trên cả nước trong các đợt xét tuyển năm 2021.

- Thí sinh hoàn thiện các thông tin cá nhân: Số chứng minh nhân dân/căn cước công dân, điện thoại, địa chỉ liên hệ trên tài khoản xác nhận trực tuyến và làm theo các hướng dẫn khác.

- Thí sinh đăng nhập tài khoản sau khi hoàn thành xác nhận trực tuyến tại địa chỉ: **tuyensinh.vnu.edu.vn**, mục "**Kết quả xét tuyển và Nhập học**" để kiểm tra thông tin.

- Thí sinh chịu trách nhiệm về tính xác thực của các thông tin cá nhân, kết quả thi, nguyện vọng ĐKXT và xác nhận nhập học. HĐTS Khoa CKHLN có quyền từ chối tiếp nhận hoặc buộc thôi học nếu thí sinh không đảm bảo các điều kiện trúng tuyển khi đối chiếu thông tin ĐKXT và dữ liệu đăng ký dự thi với hồ sơ gốc.

- Thí sinh trúng tuyển phải xác nhận nhập học trực tuyến trong thời hạn quy định. Quá thời hạn quy định, thí sinh không xác nhận nhập học được xem như từ chối nhập học và HĐTS được xét tuyển thí sinh khác trong đợt xét tuyển bổ sung.

7.4. Đợt bổ sung (nếu có):

a) Căn cứ chỉ tiêu tuyển sinh, số thí sinh trúng tuyển đã xác nhận nhập học vào Khoa CKHLN sau khi xét tuyển đợt 1, HĐTS công bố tuyển sinh đợt bổ sung (nếu có) trước ngày 24/09/2021.

b) Xét tuyển đợt bổ sung (nếu có) được thực hiện khi còn chỉ tiêu, có thể được thực hiện một lần hay nhiều lần, chỉ sử dụng phương thức xét tuyển theo kết quả tổ hợp các môn thi/bài thi THPT năm 2021 theo điểm chuẩn và các điều kiện đã xác định từ Đợt 1, tất cả thí sinh đăng ký xét tuyển đáp ứng đủ điều kiện như Đợt 1 sẽ được tuyển cho đến khi đủ chỉ tiêu của nhóm ngành thí sinh đăng ký xét tuyển hoặc hết thời hạn tuyển sinh đợt bổ sung.

7.5. Cách tính điểm xét tuyển

a) Cách tính điểm xét tuyển sử dụng kết quả thi tốt nghiệp THPT

Căn cứ quy định Quy chế tuyển sinh đại học hệ chính quy hiện hành, Khoa Các khoa học liên ngành, Đại học Quốc gia Hà Nội áp dụng cách tính điểm xét tuyển (ĐXT) từ kết quả thi ba môn của tổ hợp xét tuyển, điểm ưu tiên đối tượng, khu vực (ĐU^T (ĐT, KV)) của thí sinh như sau:

$$\text{ĐXT} = (\text{Môn 1} + \text{Môn 2} + \text{Môn 3}) + \text{Điểm U}^T (\text{ĐT, KV})$$

b) Cách tính điểm xét tuyển theo bài thi ĐGNL

Ngưỡng điểm bài thi đánh giá năng lực được xét từ 80/150

b) Cách tính điểm xét tuyển kết hợp chứng chỉ ngoại ngữ và điểm thi THPT

$$\text{ĐXT} = \text{Điểm chứng chỉ ngoại ngữ} + \text{Môn 1} + \text{Môn 2}$$

(Trong đó Môn 1 là môn Toán hoặc Văn (bắt buộc), Môn 2 thuộc các môn trong Tổ hợp xét tuyển theo Quy định của Khoa).

ĐXT được làm tròn đến 2 chữ số thập phân.

8. Chính sách ưu tiên tuyển sinh

Chính sách ưu tiên theo đối tượng, theo khu vực và các đối tượng được xét tuyển thẳng và ưu tiên xét tuyển được thực hiện theo Quy chế tuyển sinh, Hướng dẫn tuyển sinh của Bộ GD&ĐT và của ĐHQGHN năm 2021.

8.1. Các đối tượng được xét tuyển thẳng

8.1.1. Xét tuyển thẳng theo Quy chế tuyển sinh hiện hành của Bộ GD&ĐT

a) Anh hùng lao động, Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân, Chiến sĩ thi đua toàn quốc đã tốt nghiệp trung học;

b) + Thí sinh được triệu tập tham dự kỳ thi chọn đội tuyển quốc gia dự thi Olympic quốc tế, trong đội tuyển quốc gia dự Cuộc thi khoa học, kỹ thuật quốc tế đã tốt nghiệp THPT; Thí sinh đoạt giải nhất, nhì, ba trong kỳ thi chọn học sinh giỏi quốc gia; thí sinh đoạt giải nhất, nhì, ba trong Cuộc thi khoa học, kỹ thuật cấp quốc gia, đã tốt nghiệp THPT được xét tuyển thẳng theo nhóm ngành/ngành đúng, gần với môn thi hoặc nội dung đề tài dự thi mà thí sinh đã đoạt giải.

+ Thí sinh tốt nghiệp trường THPT chuyên của các tỉnh, thành phố đáp ứng điều kiện: Ba năm học THPT chuyên đạt học sinh giỏi hoặc đoạt giải nhất, nhì, ba trong các kỳ thi học sinh giỏi do cấp tỉnh trở lên tổ chức, được xét tuyển thẳng vào nhóm ngành/ngành phù hợp, gần với môn thi hoặc nội dung đề tài dự thi của thí sinh.

+ Đối với thí sinh là người nước ngoài, có nguyện vọng học tại Khoa: Chủ nhiệm Khoa căn cứ kết quả học tập THPT của học sinh (bảng điểm), kết quả kiểm tra kiến thức và năng lực Tiếng Việt quy định tại Điều 6 Thông tư số 30/2018/TT-BGDĐT ngày 24 tháng 12 năm 2018 quy định về quản lý người nước ngoài học tập tại Việt Nam của Bộ trưởng Bộ GDĐT để xem xét, quyết định cho vào học;

+ Thí sinh có hộ khẩu thường trú từ 3 năm trở lên, học 3 năm và tốt nghiệp THPT tại các huyện nghèo (học sinh học phổ thông dân tộc nội trú tính theo hộ khẩu thường trú), tính đến ngày nộp hồ sơ ĐKXT theo quy định tại Nghị quyết số 30a/2008/NQ-CP ngày 27 tháng 12 năm 2008 của Chính phủ về Chương trình hỗ trợ giảm nghèo nhanh và bền vững đối với 61 huyện nghèo và Quyết định số 275/QĐ-TTg ngày 07 tháng 03 năm 2018 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt danh sách các huyện nghèo và huyện thoát nghèo giai đoạn 2018-2020; thí sinh là người dân tộc thiểu số rất ít người theo quy định hiện hành của Chính phủ và thí sinh 20 huyện nghèo biên giới, hải đảo thuộc khu vực Tây Nam Bộ. Những thí sinh này phải học bổ sung kiến thức 01 (một) năm học trước khi vào học chính thức. Chương trình bổ sung kiến thức do Chủ nhiệm Khoa quy định.

8.1.2. Xét tuyển thẳng và ưu tiên xét tuyển theo quy định của ĐHQGHN

a) Học sinh hệ chuyên của 2 trường THPT chuyên thuộc ĐHQGHN được xét tuyển thẳng và xét tuyển vào bậc đại học tại ĐHQGHN phải tốt nghiệp THPT có hạnh kiểm 3 năm học THPT đạt loại tốt và đáp ứng một trong các tiêu chí sau:

- Là thành viên chính thức đội tuyển dự kỳ thi Olympic hoặc các cuộc thi sáng tạo, triển lãm khoa học kỹ thuật khu vực, quốc tế;

- Đạt giải chính thức trong kỳ thi chọn học sinh giỏi bậc THPT cấp ĐHQGHN;
- Đạt giải chính thức trong kỳ thi Olympic chuyên Khoa học tự nhiên bậc THPT được tổ chức hàng năm;

- Là thành viên chính thức của đội tuyển tham dự kỳ thi chọn học sinh giỏi quốc gia hoặc các cuộc thi sáng tạo khoa học kỹ thuật quốc gia;

- Có điểm trung bình chung học tập mỗi học kỳ trong 5 học kỳ (lớp 10, 11 và học kỳ 1 lớp 12) đạt từ 8,00 trở lên và điểm trung bình chung học tập của 3 môn thuộc tổ hợp xét tuyển trong 5 học kỳ (năm lớp 10, 11 và học kỳ 1 năm lớp 12) đạt từ 8,0 trở lên và có kết quả thi tốt nghiệp THPT đạt ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào của ngành.

b) Học sinh hệ không chuyên của các trường THPT thuộc ĐHQGHN được ưu tiên xét tuyển và xét tuyển vào bậc đại học tại ĐHQGHN phải tốt nghiệp THPT và có hạnh kiểm 3 năm học THPT đạt loại Tốt và đáp ứng một trong các tiêu chí sau:

- Đạt giải chính thức trong các kỳ thi Olympic hoặc các cuộc thi sáng tạo, triển lãm khoa học kỹ thuật khu vực, quốc tế;

- Đạt giải chính thức trong kỳ thi chọn học sinh giỏi bậc THPT cấp ĐHQGHN;

- Đạt giải chính thức trong kỳ thi Olympic chuyên Khoa học tự nhiên bậc THPT;

- Có điểm trung bình chung học tập từng kỳ trong 5 học kỳ (năm lớp 10, 11 và học kỳ 1 năm lớp 12) đạt từ 8,0 trở lên và điểm trung bình chung học tập của 3 môn thuộc tổ hợp xét tuyển từng kỳ trong 5 học kỳ (năm lớp 10, 11 và học kỳ 1 năm lớp 12) đạt từ 8,5 trở lên.

** Chú ý: Các thí sinh diện ưu tiên xét tuyển phải có kết quả thi tốt nghiệp THPT đạt ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào của ngành đào tạo trong năm tuyển sinh.*

d) Học sinh các trường THPT trên toàn quốc được xét tuyển thẳng và xét tuyển vào bậc đại học tại Khoa CKHLN phải tốt nghiệp THPT và có hạnh kiểm 3 năm học THPT đạt loại Tốt và đáp ứng một trong các tiêu chí sau:

- Là thành viên tham gia cuộc thi tháng chương trình “Đường lên đỉnh Olympia” do Đài truyền hình Việt Nam tổ chức hàng năm và có điểm trung bình chung học tập 5 học kỳ (năm học lớp 10, 11 và học kỳ 1 lớp 12) từ 8,0 trở lên;

- Đạt giải Nhất, Nhì, Ba trong kỳ thi học sinh giỏi cấp tỉnh/thành phố trực thuộc trung ương, có môn đạt giải thuộc tổ hợp xét tuyển và điểm trung bình chung học tập 5 học kỳ (năm học lớp 10, 11 và học kỳ 1 lớp 12) từ 8,0 trở lên.

8.2. Các đối tượng được ưu tiên xét tuyển

+ Thí sinh đoạt giải khuyến khích trong kỳ thi chọn học sinh giỏi quốc gia; thí sinh đoạt giải tư trong Cuộc thi khoa học, kỹ thuật cấp quốc gia, đã tốt nghiệp THPT, được ưu tiên xét tuyển vào đại học theo nhóm ngành phù hợp với môn thi hoặc nội dung đề tài dự thi mà thí sinh đã đoạt giải.

+ Thí sinh đủ điều kiện xét tuyển thẳng nhưng không dùng quyền xét tuyển thẳng theo Quy chế tuyển sinh của Bộ GD&ĐT và có kết quả thi tốt nghiệp THPT 2021 đáp ứng tiêu chí đảm bảo chất lượng đầu vào do Bộ GD&ĐT và ĐHQGHN quy định được ưu tiên xét tuyển vào Khoa. Căn cứ vào chỉ tiêu tuyển sinh và nguyện vọng của thí sinh, Chủ nhiệm Khoa xem xét, quyết định cho vào học.

8.3. Nguyên tắc xét tuyển thẳng

- Đối tượng xét tuyển thẳng, ưu tiên xét tuyển được xét từ cao đến thấp cho đến hết chỉ tiêu phân bổ.

- Thứ tự ưu tiên: Ưu tiên 1 → Ưu tiên 2 → Ưu tiên 3 → Ưu tiên 4.

+) Ưu tiên 1: Theo cấp độ giải thưởng (quốc tế, khu vực, quốc gia, cấp tỉnh);

+) Ưu tiên 2: Theo thứ tự giải thưởng: Nhất → Nhì → Ba;

+) Ưu tiên 3: Theo hệ chuyên → không chuyên;

+) Ưu tiên 4: Theo kết quả học tập THPT và các điều kiện khác (nếu có).

- Thí sinh chuẩn bị và nộp hồ sơ đăng kí xét tuyển thẳng, ưu tiên xét tuyển theo quy định của Bộ GD&ĐT.

9. Lệ phí tuyển sinh

- Lệ phí xét tuyển thẳng và Lệ phí tuyển sinh theo các phương thức khác: Theo quy định của Bộ GD&ĐT và ĐHQGHN.

10. Học phí

Học phí: 9.870.000 đồng/sinh viên/1 năm học (Đóng theo từng học kỳ, mỗi học kỳ 4.935.000 đồng). Học phí sẽ tăng theo lộ trình do ĐHQGHN, Bộ Tài chính.

11. Các nội dung khác

- Danh hiệu tốt nghiệp của sinh viên: Cử nhân

- Thời gian đào tạo: 04 năm

- Tên văn bằng sau tốt nghiệp:

1) + Tiếng Việt: Cử nhân Quản trị thương hiệu

+ Tiếng Anh: The Degree of Bachelor in Branding Management

2) + Tiếng Việt: Cử nhân Quản trị tài nguyên di sản

+ Tiếng Anh: The Degree of Bachelor in Heritage Resources Management

- Đào tạo tại Khoa Các khoa học liên ngành.

- Bằng Cử nhân do Đại học Quốc gia Hà Nội cấp.

12. Thời gian dự kiến tuyển sinh các đợt bổ sung trong năm

Trong trường hợp còn thiếu chỉ tiêu, Khoa CKHLN sẽ xét tuyển bổ sung. Lịch xét tuyển bổ sung được thực hiện theo quy định của Bộ GD&ĐT và của ĐHQGHN. Thông tin chi tiết sẽ được công bố trên website tuyển sinh của Khoa và ĐHQGHN.

13. Tài chính (năm 2020)

Tổng nguồn thu/năm của Khoa: 7.295.382.640 đồng.

Hà Nội, ngày tháng 8 năm 2021

CHỦ NHIỆM KHOA

Nguyễn Văn Hiệu

DANH SÁCH GIẢNG VIÊN CƠ HỮU CỦA CÁC CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

TT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Số CMTND/CCCD/ hộ chiếu	Giới tính	Năm tuyển dụng /ký HĐ	Thời hạn HĐ	Chức danh khoa học	Trình độ	Chuyên môn được đào tạo	Ngành/trình độ chủ trì giảng dạy và tính chỉ tiêu tuyển sinh					
										Đại học		Thạc sĩ		Tiến sĩ	
										Mã	Tên ngành	Mã	Tên ngành	Mã	Tên ngành
1	Trần Thị An	26/01/1964	040166000189	Nữ	2018	Không xác định thời hạn	Phó giáo sư	Tiến sĩ	Văn học	7349002	QTTN DS	8900201.06QTD	DSH		
2	Trần Nhật Lam Duyên	03/03/1988	082188000750	Nữ	2018	Không xác định thời hạn		Tiến sĩ	Kinh tế nông nghiệp			8900201.01QTD	BĐKH	9900201.01QTD	BĐKH &PTB V
3	Nguyễn Văn Hiệu	29/12/1973	001073000012	Nam	2017	Không xác định thời hạn	Phó giáo sư	Tiến sĩ	Ngôn ngữ học	7349001	QTTH	8900201.06QTD	DSH		
4	Đình Việt Hưng	18/12/1973	1073000709	Nam	2020	Không xác định thời hạn		Tiến sĩ	Sinh thái môi trường	7349002	QTTN DS	8900201.01QTD	BĐKH		
5	Nguyễn Thu Hương	22/11/1983		Nữ	2020	Không xác định thời hạn		Tiến sĩ	Kinh doanh thương mại	7349001	QTTH				
6	Nguyễn Thị Thu Hương	04/01/1985	012409734	Nữ	2020	Không xác định thời hạn		Tiến sĩ	Quản trị kinh doanh	7349001	QTTH				
7	Hoàng Thị Tuyết Mai	08/12/1979	090768403	Nữ	2018	Không xác định thời hạn		Tiến sĩ	Văn học	7349002	QTTN DS	8900201.06QTD	DSH		
8	Nguyễn Kiều Oanh	30/06/1973	011629100	Nữ	2019	Không xác định thời hạn		Tiến sĩ	Quản lý giáo dục	7349001	QTTH	8900201.03QTD	KHBV		
9	Dư Đức Thắng	14/09/1978	001078021010	Nam	2012	Không xác định thời hạn		Tiến sĩ	Toán học			8900201.03QTD	KHBV		

TT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Số CMTND/ CCCD/ hộ chiếu	Giới tính	Năm tuyển dụng /ký HĐ	Thời hạn HĐ	Chức danh khoa học	Trình độ	Chuyên môn được đào tạo	Ngành/trình độ chủ trì giảng dạy và tính chỉ tiêu tuyển sinh					
										Đại học		Thạc sĩ		Tiến sĩ	
										Mã	Tên ngành	Mã	Tên ngành	Mã	Tên ngành
10	Đỗ Huy Thường	29/04/1977	13001772	Nam	2005	Không xác định thời hạn		Tiến sĩ	Ngoại ngữ	7349001	QTTH	8900201.04QTD	QLPTĐT		
11	Nguyễn Ngọc Trục	14/05/1981	182453043	Nam	2017	Không xác định thời hạn	Phó giáo sư	Tiến sĩ	Địa chất			8900201.04QTD	QLPTĐT	9900201.01QTD	BĐKH &PTB V
12	Vũ Hoài Đức	30/12/1972	001072012836	Nam	2020	Không xác định thời hạn		Tiến sĩ	Quy hoạch đô thị			8900201.04QTD	QLPTĐT		
13	Hoàng Thúy Quỳnh	13/12/1982		Nữ	2020	Không xác định thời hạn		Tiến sĩ	Khảo cổ học	7349002	QTTN DS				
14	Nguyễn Thị Hiền	1965		Nữ	2021	Không xác định thời hạn	Phó giáo sư	Tiến sĩ	Văn hóa dân gian và nghiên cứu tôn giáo	7349002	QTTN DS	8900201.06QTD	DSH		
15	Bùi Đại Dũng	1965		Nam	2021	Không xác định thời hạn		Tiến sĩ	Kinh tế công			8900201.01QTD	BĐKH	9900201.01QTD	BĐKH &PTB V
16	Vũ Thành Trung	1993	017092000115	Nam	2021	Có xác định thời hạn		Thạc sĩ	Công nghệ thông tin	7349001	QTTH				
17	Hoàng Văn Hiệp	1991		Nam	2021	Có xác định thời hạn		Thạc sĩ	Địa chất	7349002	QTTN DS				
18	Trần Hoài	1982		Nam	2021	Có xác định thời hạn		Tiến sĩ	Nhân học văn hóa	7349002	QTTN DS				

TT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Số CMTND/ CCCD/ hộ chiếu	Giới tính	Năm tuyển dụng /ký HĐ	Thời hạn HĐ	Chức danh khoa học	Trình độ	Chuyên môn được đào tạo	Ngành/trình độ chủ trì giảng dạy và tính chỉ tiêu tuyển sinh					
										Đại học		Thạc sĩ		Tiến sĩ	
										Mã	Tên ngành	Mã	Tên ngành	Mã	Tên ngành
19	Vũ Văn Tích	1975		Nam	2004	GV cơ hữu của CT	Phó giáo sư	Tiến sĩ	Địa chất					9900201.01QTD	BĐKH &PTB V
20	Lê Văn Chiêu	1970		Nam	2000	GV cơ hữu của CT	Phó giáo sư	Tiến sĩ	Hoá phân tích					9900201.01QTD	BĐKH &PTB V
21	Nguyễn Thị Nhật Thanh	1979		Nữ	2012	GV cơ hữu của CT	Phó giáo sư	Tiến sĩ	Công nghệ thông tin					9900201.01QTD	BĐKH &PTB V
22	Bùi Quang Hưng	1979		Nam	2012	GV cơ hữu của CT		Tiến sĩ	Công nghệ thông tin					9900201.01QTD	BĐKH &PTB V
23	Nguyễn An Thịnh	1980		Nam		GV cơ hữu của CT	Phó giáo sư	Tiến sĩ	Quản lý tài nguyên và môi trường					9900201.01QTD	BĐKH &PTB V
24	Trịnh Lê Anh	1977		Nam		GV cơ hữu của CT		Tiến sĩ	Quản lý văn hoá			8900201.06QTD	DSH		
25	Trịnh Văn Định	1982		Nam		GV cơ hữu của CT		Tiến sĩ	Văn học Việt Nam			8900201.06QTD	DSH		
26	Đào Duy Trinh	1974		Nam		GV cơ hữu của CT		Tiến sĩ	Động vật học			8900201.06QTD	DSH		
27	Lê Thị Vân Huệ	1965		Nữ		GV cơ hữu của CT		Tiến sĩ	Xã hội học			8900201.01QTD	BĐKH		

TT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Số CMTND/ CCCD/ hộ chiếu	Giới tính	Năm tuyển dụng /ký HĐ	Thời hạn HĐ	Chức danh khoa học	Trình độ	Chuyên môn được đào tạo	Ngành/trình độ chủ trì giảng dạy và tính chỉ tiêu tuyển sinh					
										Đại học		Thạc sĩ		Tiến sĩ	
										Mã	Tên ngành	Mã	Tên ngành	Mã	Tên ngành
28	Võ Thanh Sơn	1962		Nam		GV cơ hữu của CT		Tiến sĩ	Địa lý			8900201.01QTD	BĐKH		
29	Lưu Thế Anh	1978		Nam	2019	GV cơ hữu của CT	Phó giáo sư	Tiến sĩ	Địa lý			8900201.01QTD	BĐKH		
30	Đỗ Quang Trung			Nam		GV cơ hữu của CT		Tiến sĩ	Quy hoạch môi trường			8900201.03QTD	KHBV		
31	Vũ Kim Chi	1975		Nữ		GV cơ hữu của CT		Tiến sĩ	Địa lý			8900201.03QTD	KHBV		
32	Phạm Thị Thu Hà	1977		Nữ		GV cơ hữu của CT		Tiến sĩ	Môi trường trong phát triển bền vững			8900201.04QTD	QLPT ĐT		
33	Nghiêm Thị Phương Tuyền	1966		Nữ	2011	GV cơ hữu của CT		Tiến sĩ	Quy hoạch đô thị và vùng			8900201.04QTD	QLPT ĐT		
34	Nguyễn Quang Huy	1975		Nam		GV cơ hữu của CT		Tiến sĩ	Công trình địa chất			8900201.04QTD	QLPT ĐT		
35	Trần Việt Dũng			Nam	1999	GV cơ hữu của CT		Tiến sĩ	Quản trị kinh doanh	7349001	QTTH				
36	Phùng Danh Thắng	1983		Nam	2006	GV cơ hữu của CT		Tiến sĩ	Thông tin và	7349001	QTTH				

TT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Số CMTND/ CCCD/ hộ chiếu	Giới tính	Năm tuyển dụng /ký HĐ	Thời hạn HĐ	Chức danh khoa học	Trình độ	Chuyên môn được đào tạo	Ngành/trình độ chủ trì giảng dạy và tính chỉ tiêu tuyển sinh					
										Đại học		Thạc sĩ		Tiến sĩ	
										Mã	Tên ngành	Mã	Tên ngành	Mã	Tên ngành
									truyền thông						
37	Đào Tùng	1977		Nam	2005	GV cơ hữu của CT		Tiến sĩ	Quản trị kinh doanh	7349001	QTTH				
38	Phạm Việt Thắng	1976		Nam		GV cơ hữu của CT		Tiến sĩ	Quản trị kinh doanh	7349001	QTTH				
39	Nguyễn Văn Phong	1969		Nam	2001	GV cơ hữu của CT		Tiến sĩ	Ngôn ngữ Hán nôm	7349002	QTTN DS				
40	Phạm Thị Thảo	1980		Nữ		GV cơ hữu của CT		Tiến sĩ	Ngôn ngữ Văn tự học	7349002	QTTN DS				
41	Phùng Thị Thanh Lâm	1976		Nữ		GV cơ hữu của CT		Tiến sĩ	Việt Nam học	7349002	QTTN DS				
42	Vũ Đường Luân	1982		Nam		GV cơ hữu của CT		Tiến sĩ	Lịch sử Trung Quốc	7349002	QTTN DS				
43	Nguyễn Thị Huệ	1984		Nữ		GV cơ hữu của CT		Tiến sĩ	Việt Nam học	7349002	QTTN DS				
44	Phạm Văn Lợi	1964		Nam	2004	GV cơ hữu của CT	Phó giáo sư	Tiến sĩ	Dân tộc học	7349002	QTTN DS				

DANH SÁCH GIẢNG VIÊN THỈNH GIẢNG

TT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Đơn vị	Quốc tịch	Giới tính	Chức danh khoa học	Trình độ	Chuyên môn được đào tạo	Giảng dạy môn chung	Ngành/ trình độ chủ trì giảng dạy và tính chỉ tiêu tuyển sinh	
										Đại học	
										Mã	Tên ngành
1.	Trần Thị Minh Hòa	1966	ĐHKHXH&NV	Việt Nam	Nữ	PGS	TS	Kinh tế		7349001	QTTH
2.	Đỗ Hữu Hải	1975	ĐHCN HCM	Việt Nam	Nam		TS	Kinh tế		7349001	QTTH
3.	Vũ Thị Minh Hiền	1977	ĐHKT	Việt Nam	Nữ		TS	Quản trị kinh doanh		7349001	QTTH
4.	Nguyễn Thu Thủy	1977	ĐHKHXH&NV	Việt Nam	Nữ		TS	Quản lý văn hóa		7349001	QTTH
5.	Trần Thị Bích Hạnh	1984	VJU	Việt Nam	Nữ		TS	Quản trị kinh doanh		7349001	QTTH
6.	Nguyễn Thị Thanh Huyền	1974	ĐHKHXH&NV	Việt Nam	Nữ		TS	Quan hệ công chúng và quảng cáo		7349001	QTTH
7.	Trương Minh Đức	1962	ĐHKT	Việt Nam	Nam		TS	Quản trị kinh doanh		7349001	QTTH
8.	Lưu Thị Minh Ngọc	1982	ĐHKT	Việt Nam	Nữ		TS	Quản trị kinh doanh		7349001	QTTH
9.	Nguyễn Phương Mai	1981	ĐHKT	Việt Nam	Nữ		TS	Quản trị kinh doanh		7349001	QTTH
10.	Phan Hồng Giang	1979	ĐHKHXH&NV	Việt Nam	Nữ		ThS	Xã hội học		7349001	QTTH
11.	Trần Điệp Thành	1973	ĐHKHXH&NV	Việt Nam	Nam		TS	Chính trị học		7349001	QTTH

TT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Đơn vị	Quốc tịch	Giới tính	Chức danh khoa học	Trình độ	Chuyên môn được đào tạo	Giảng dạy môn chung	Ngành/ trình độ chủ trì giảng dạy và tính chỉ tiêu tuyển sinh	
										Đại học	
										Mã	Tên ngành
12.	Nguyễn Quốc Việt	1975	ĐHKT	Việt Nam	Nữ		TS	Kinh tế thể chế		7349001	QTTH
13.	Trương Thu Hà	1982	ĐHKHXH&NV	Việt Nam	Nữ		ThS	Kinh tế lao động		7349001	QTTH
14.	Nguyễn Văn Lược	1980	ĐHKHXH&NV	Việt Nam	Nam	PGS	TS	Tâm lý học		7349001	QTTH
15.	Nguyễn Thanh Tùng	1979		Việt Nam	Nam		TS	Công nghệ thông tin		7349001	QTTH
16.	Nguyễn Thị Hải Hà	1980	ĐHKT	Việt Nam	Nữ		ThS	Kinh tế Tài chính Ngân hàng		7349001	QTTH
17.	Trịnh Lê Anh	1977	ĐHKHXH&NV	Việt Nam	Nam		TS	Quản lý văn hóa		7349001	QTTH
18.	Đặng Thị Hương	1977	ĐHKT	Việt Nam	Nữ		TS	Quản trị kinh doanh		7349001	QTTH
19.	Tổng Thị Minh Phương	1990	ĐHKT	Việt Nam	Nữ		TS	Luật và kinh tế quốc tế		7349001	QTTH
20.	Trần Phương Thảo	1992	ĐHKT	Việt Nam	Nữ		TS	Chính sách công và Quản lý tài chính		7349001	QTTH
21.	Đặng Thanh Vân	1976	Cty Thanh's	Việt Nam	Nữ		ThS	Kinh tế		7349001	QTTH
22.	Phan Thị Thanh Bình	1977	VTV travel	Việt Nam	Nữ		ThS	Quản lý báo chí và truyền thông		7349001	QTTH

TT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Đơn vị	Quốc tịch	Giới tính	Chức danh khoa học	Trình độ	Chuyên môn được đào tạo	Giảng dạy môn chung	Ngành/ trình độ chủ trì giảng dạy và tính chỉ tiêu tuyển sinh	
										Đại học	
										Mã	Tên ngành
23.	Phạm Hồng Hải	1978	Học viên PNVN	Việt Nam	Nam		TS	Kinh tế và quản lí		7349001	QTTH
24.	Bùi Nguyên Thảo	1982	Đại học Toulouse	Việt Nam	Nữ		TS	Marketing		7349001	QTTH
25.	Đào Thị Minh Phượng	1977	Trường Đào tạo bồi dưỡng CBCT TƯ	Việt Nam	Nữ		ThS	Quản trị kinh doanh		7349001	QTTH
26.	Lê Thị Thu Hường	1981	Trường ĐH Mỏ-Địa chất	Việt Nam	Nữ		ThS	Kinh tế công nghiệp		7349001	QTTH
27.	Nguyễn Lan Phương	1980	Hiệp hội các đô thị Việt Nam	Việt Nam	Nữ		ThS	Quản trị kinh doanh		7349001	QTTH
28.	Hoàng Văn Hào	1982	Trường ĐH CĐ	Việt Nam	Nam		TS	Khoa học quản lí		7349001	QTTH
29.	Lê Phạm Khánh Hòa	1986	Trường ĐHKQTĐ	Việt Nam	Nữ		ThS	Marketing		7349001	QTTH
30.	Phạm Hồng Hoa	1977	Trường ĐHKQTĐ	Việt Nam	Nữ		TS	Marketing		7349001	QTTH
31.	Nguyễn Thu Lan	1979	Trường ĐHKQTĐ	Việt Nam	Nữ		TS	Marketing		7349001	QTTH
32.	Hoàng Ngọc Vinh Hạnh	1984	Trường ĐHKQTĐ	Việt Nam	Nữ		ThS	Báo chí		7349001	QTTH
33.	Doãn Hoàng Minh	1975	Trường ĐHKQTĐ	Việt Nam	Nam		TS	Marketing		7349001	QTTH
34.	Trần Lệ Thu	1980	Trường ĐH TN&MT HN	Việt Nam	Nữ		TS			7349001	QTTH
35.	Lê Quốc Vũ	1979	Trường ĐH KD&CN HN	Việt Nam	Nam		ThS	Quản lí văn hóa		7349001	QTTH
36.	Nguyễn Thị Ngọc Thủy	1983	Cty AAA	Việt Nam	Nữ		ThS	Luật kinh doanh quốc tế		7349001	QTTH

TT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Đơn vị	Quốc tịch	Giới tính	Chức danh khoa học	Trình độ	Chuyên môn được đào tạo	Giảng dạy môn chung	Ngành/ trình độ chủ trì giảng dạy và tính chỉ tiêu tuyển sinh	
										Đại học	
										Mã	Tên ngành
37.	Nguyễn Đình Thành	1978	Elite PR School	Việt Nam	Nam		ThS	Quản trị văn hóa		7349001	QTTH
38.	Nguyễn Ngọc Mạnh	1971	Viện Nghiên cứu Châu Mỹ	Việt Nam	Nam		TS	Kinh tế		7349001	QTTH
39.	Trần Huy Tùng	1988	Học viện Ngân hàng	Việt Nam	Nam		TS	Kinh tế - Tài chính – Ngân hàng		7349001	QTTH
40.	Vũ Tiến Hồng		ĐH Kansas	Việt Nam	Nam		TS	Báo chí học		7349001	QTTH
41.	Lưu Thị Minh Ngọc	1982	ĐHKHXH&NV	Việt Nam	Nữ		TS	Quản trị kinh doanh		7349002	QTTNDS
42.	Nguyễn Thị Thu Cúc	1979	ĐHKHTN	Việt Nam	Nữ		TS	Cổ sinh địa tầng		7349002	QTTNDS
43.	Nguyễn Tuấn Anh	1976	ĐHKHXH&NV	Việt Nam	Nam	PGS	TS	Xã hội học và Nhân học		7349002	QTTNDS
44.	Nguyễn Thị Thu Hương	1985	ĐHKHXH&NV	Việt Nam	Nữ		TS	Quản trị kinh doanh		7349002	QTTNDS
45.	Trần Thị Minh Hòa	1966	ĐHKHXH&NV	Việt Nam	Nữ	PGS	TS	Kinh tế		7349002	QTTNDS
46.	Trần Điệp Thành	1973	ĐHKHXH&NV	Việt Nam	Nam		TS	Chính trị học		7349002	QTTNDS
47.	Nguyễn Quốc Việt	1975	ĐHKT	Việt Nam	Nam		TS	Kinh tế thể chế		7349002	QTTNDS
48.	Nguyễn Vũ Hoàng	1981	ĐHKHXH&NV	Việt Nam	Nam		TS	Nhân chủng học		7349002	QTTNDS

TT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Đơn vị	Quốc tịch	Giới tính	Chức danh khoa học	Trình độ	Chuyên môn được đào tạo	Giảng dạy môn chung	Ngành/ trình độ chủ trì giảng dạy và tính chỉ tiêu tuyển sinh	
										Đại học	
										Mã	Tên ngành
49.	Đặng Hồng Sơn	1980	ĐHKHXH&NV	Việt Nam	Nam	PGS	TS	Khảo cổ học và Bảo tàng học		7349002	QTTNDS
50.	Bùi Đại Dũng	1964	ĐHKT	Việt Nam	Nam		TS	Kinh tế		7349002	QTTNDS
51.	Nguyễn An Thịnh	1980	ĐHKT	Việt Nam	Nam	PGS	TS	Sử dụng và bảo vệ tài nguyên môi trường		7349002	QTTNDS
52.	Lâm Thị Mỹ Dung	1959	ĐHKHXH&NV	Việt Nam	Nữ	GS	TS	Khảo cổ học		7349002	QTTNDS
53.	Nguyễn Văn Hiến	1981	IFI	Việt Nam	Nam		TS	Chiến lược		7349002	QTTNDS
54.	Phan Hồng Giang	1979	ĐHKHXH&NV	Việt Nam	Nữ		ThS	Xã hội học		7349002	QTTNDS
55.	Phạm Hải Chung		PV BCTT	Việt Nam	Nữ		TS	Truyền thông		7349002	QTTNDS
56.	Phạm Việt Thắng	1976	ĐHKT	Việt Nam	Nam		TS	Quản trị kinh doanh		7349002	QTTNDS
57.	Trịnh Lê Anh	1777	ĐHKHXH&NV	Việt Nam	Nam		TS	Quản lý văn hóa		7349002	QTTNDS
58.	Nguyễn Thị Thanh Huyền	1974	ĐHKHXH&NV	Việt Nam	Nữ	PGS	TS	Báo chí học		7349002	QTTNDS
59.	Đặng Thị Phương Anh	1983	ĐHKHXH&NV	Việt Nam	Nữ		TS	Quản lý Văn hóa		7349002	QTTNDS
60.	Nguyễn Thu Thủy	1977	ĐHKHXH&NV	Việt Nam	Nữ		TS	Quản lý văn hóa		7349002	QTTNDS
61.	Phạm Văn Thủy	1982	ĐHKHXH&NV	Việt Nam	Nam		TS	Lịch sử		7349002	QTTNDS

TT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Đơn vị	Quốc tịch	Giới tính	Chức danh khoa học	Trình độ	Chuyên môn được đào tạo	Giảng dạy môn chung	Ngành/ trình độ chủ trì giảng dạy và tính chỉ tiêu tuyển sinh	
										Đại học	
										Mã	Tên ngành
62.	Tạ Hòa Phương	1949	ĐHKHTN	Việt Nam	Nam	GS	TS	Cổ sinh, địa tạng		7349002	QTTNDS
63.	Nguyễn Thị Kim Nhung	1986	ĐHKHXH&NV	Việt Nam	Nữ		TS	Xã hội học		7349002	QTTNDS
64.	Trần Thúy Anh	1964	ĐHKT	Việt Nam	Nữ	PGS	TS	Văn hóa học		7349002	QTTNDS
65.	Bùi Ánh Vân	1974	ĐHKHXH&NV	Việt Nam	Nữ		TS	Lịch sử		7349002	QTTNDS
66.	Trần Anh Đào	1974	ĐHKHXH&NV	Việt Nam	Nữ		ThS	Tôn giáo học		7349002	QTTNDS
67.	Nguyễn Quang Hưng	1964	ĐHKHXH&NV	Việt Nam	Nam		TS	Triết học		7349002	QTTNDS
68.	Nguyễn Đình Hậu	1989	ĐHKHXH&NV	Việt Nam	Nam		ThS	Báo chí		7349002	QTTNDS

Viết tắt:

BĐKH: Biến đổi khí hậu

DSH: Di sản học

BĐKH&PTBV: Biến đổi khí hậu và phát triển bền vững

KHBV: Khoa học bền vững

QTTH: Quản trị thương hiệu

QLPTĐT: Quản lý phát triển đô thị

QTTNDS: Quản trị tài nguyên di sản

**BẢNG QUY ĐỔI ĐIỂM CHỨNG CHỈ TIẾNG ANH QUỐC TẾ
SANG THANG ĐIỂM 10**

STT	Trình độ Tiếng Anh		Quy đổi điểm chứng chỉ tiếng Anh quốc tế theo thang điểm 10
	IELTS	TOEFL iBT	
1	5,5	65-78	8,50
2	6,0	79-87	9,00
3	6.5	88-95	9,25
4	7,0	96-101	9,50
5	7,5	102-109	9,75
6	8,0-9,0	110-120	10,00

CÁC CHỨNG CHỈ NGOẠI NGỮ SỬ DỤNG TRONG TUYỂN SINH ĐẠI HỌC

Môn Ngoại ngữ/Ngành học	Chứng chỉ đạt yêu cầu tối thiểu (*)	Đơn vị cấp chứng chỉ
Tiếng Anh	IELTS 5.5 điểm	- British Council (BC) - International Development Program (IDP)
	TOEFL iBT 65-78 điểm	Educational Testing Service (ETS)
Tiếng Nga	TRKI-2	Trung tâm Khoa học và Văn hóa Nga tại Hà Nội (The Russian centre of science and culture in Hanoi)
Tiếng Pháp	- TCF 350 điểm - DELF B2	Trung tâm Nghiên cứu Sư phạm quốc tế (Centre International d'Etudes Pedagogiques - CIEP)
Tiếng Trung Quốc	- HSK cấp độ 4 - TOCFL cấp độ 4	- Văn phòng Hán ngữ đối ngoại Trung Quốc (Hanban); Ủy ban Khảo thí trình độ Hán ngữ quốc gia (The National Committee for the Test of Proficiency in Chinese) - Ủy ban Công tác Thúc đẩy Kỳ thi Năng lực Hoa ngữ Quốc gia (Steering Committee for the Test Of Proficiency-Huayu)
Tiếng Đức	- Goethe-Zertifikat B2 - Deutsches Sprachdiplom (DSD) B2 - Zertifikat B2	Ủy ban giáo dục phổ thông Đức tại nước ngoài (ZfA)
Tiếng Nhật	JLPT cấp độ N3	Quỹ Giao lưu Quốc tế Nhật Bản (Japan Foundation)
Tiếng Hàn	TOPIK II cấp độ 4	Viện Giáo dục Quốc tế Quốc gia Hàn Quốc (KICE)

**DANH SÁCH CÁC TRƯỜNG THPT CHUYÊN ĐƯỢC PHÂN BỐ CHỈ TIÊU
TUYỂN THĂNG VÀO KHOA CÁC KHOA HỌC LIÊN NGÀNH NĂM 2021**

TT	Mã Tỉnh /Thành phố	Tỉnh/Thành phố	Tên trường
<i>Các trường THPT chuyên, năng khiếu trực thuộc đại học</i>			
1.	01	Hà Nội	Trường THPT chuyên ĐH Sư phạm Hà Nội
2.	01	Hà Nội	Trường THPT chuyên Khoa học tự nhiên, ĐHQGHN
3.	01	Hà Nội	Trường THPT chuyên Ngoại ngữ, ĐHQGHN
4.	02	Tp. Hồ Chí Minh	Trường Phổ thông năng khiếu, ĐHQGHCM
5.	02	Tp. Hồ Chí Minh	Trường TH thực hành, ĐH Sư phạm TP.HCM
6.	29	Nghệ An	Trường THPT chuyên ĐH Vinh
7.	33	Thừa Thiên Huế	Trường THPT chuyên ĐH Khoa học, ĐH Huế
8.	49	Long An	Trường THPT Năng Khiếu, ĐH Tân Tạo
<i>Các trường THPT chuyên, năng khiếu trực thuộc Tỉnh/Thành phố</i>			
9.	01	Hà Nội	THPT Chu Văn An
10.	01	Hà Nội	THPT Chuyên Hà Nội - Amsterdam
11.	01	Hà Nội	THPT Chuyên Nguyễn Huệ
12.	01	Hà Nội	THPT Sơn Tây
13.	02	Tp. Hồ Chí Minh	THPT Chuyên Trần Đại Nghĩa
14.	02	Tp. Hồ Chí Minh	THPT Chuyên Lê Hồng Phong
15.	03	Hải Phòng	THPT Chuyên Trần Phú
16.	04	Đà Nẵng	THPT Chuyên Lê Quý Đôn
17.	05	Hà Giang	THPT Chuyên Hà Giang
18.	06	Cao Bằng	THPT Chuyên Cao Bằng
19.	07	Lai Châu	THPT Chuyên Lê Quý Đôn
20.	08	Lào Cai	THPT Chuyên tỉnh Lào Cai
21.	09	Tuyên Quang	THPT Chuyên Tuyên Quang
22.	10	Lạng Sơn	THPT Chuyên Chu Văn An
23.	11	Bắc Kạn	THPT Chuyên Bắc Kạn
24.	12	Thái Nguyên	THPT Chuyên Thái Nguyên
25.	13	Yên Bái	THPT Chuyên Nguyễn Tất Thành
26.	14	Sơn La	THPT Chuyên Sơn La
27.	15	Phú Thọ	THPT Chuyên Hùng Vương
28.	16	Vĩnh Phúc	THPT Chuyên Vĩnh Phúc
29.	17	Quảng Ninh	THPT Chuyên Hạ Long
30.	18	Bắc Giang	THPT Chuyên Bắc Giang
31.	19	Bắc Ninh	THPT Chuyên Bắc Ninh
32.	21	Hải Dương	THPT Chuyên Nguyễn Trãi

TT	Mã Tỉnh /Thành phố	Tỉnh/Thành phố	Tên trường
33.	22	Hưng Yên	THPT Chuyên Hưng Yên
34.	23	Hoà Bình	THPT Chuyên Hoàng Văn Thụ
35.	24	Hà Nam	THPT Chuyên Biên Hòa
36.	25	Nam Định	THPT Chuyên Lê Hồng Phong
37.	26	Thái Bình	THPT Chuyên Thái Bình
38.	27	Ninh Bình	THPT Chuyên Lương Văn Tụy
39.	28	Thanh Hoá	THPT Chuyên Lam Sơn
40.	29	Nghệ An	THPT Chuyên Phan Bội Châu
41.	30	Hà Tĩnh	THPT Chuyên Hà Tĩnh
42.	31	Quảng Bình	THPT Chuyên Võ Nguyên Giáp
43.	31	Quảng Bình	THPT Chuyên Quảng Bình
44.	32	Quảng Trị	THPT chuyên Lê Quý Đôn
45.	33	Thừa Thiên Huế	THPT Chuyên Quốc Học
46.	34	Quảng Nam	THPT Chuyên Nguyễn Bình Khiêm
47.	34	Quảng Nam	THPT Chuyên Lê Thánh Tông
48.	35	Quảng Ngãi	Trường THPT chuyên Lê Khiết
49.	36	Kon Tum	THPT chuyên Nguyễn Tất Thành
50.	37	Bình Định	THPT chuyên Lê Quý Đôn
51.	38	Gia Lai	Trường THPT Chuyên Hùng Vương
52.	39	Phú Yên	THPT Chuyên Lương Văn Chánh
53.	40	Đắk Lắk	THPT Chuyên Nguyễn Du
54.	41	Khánh Hoà	THPT chuyên Lê Quý Đôn
55.	42	Lâm Đồng	THPT Chuyên Thăng Long - Đà Lạt
56.	42	Lâm Đồng	THPT Chuyên Bảo Lộc
57.	43	Bình Phước	THPT Chuyên Quang Trung
58.	43	Bình Phước	THPT chuyên Bình Long
59.	44	Bình Dương	THPT chuyên Hùng Vương
60.	45	Ninh Thuận	THPT chuyên Lê Quý Đôn
61.	46	Tây Ninh	THPT chuyên Hoàng Lê Kha
62.	47	Bình Thuận	THPT Chuyên Trần Hưng Đạo
63.	48	Đồng Nai	THPT Chuyên Lương Thế Vinh
64.	49	Long An	THPT chuyên Long An
65.	50	Đồng Tháp	THPT chuyên Nguyễn Đình Chiểu
66.	50	Đồng Tháp	THPT chuyên Nguyễn Quang Diêu
67.	51	An Giang	THPT Chuyên Thoại Ngọc Hầu
68.	51	An Giang	THPT Chuyên Thủ Khoa Nghĩa
69.	52	Bà Rịa-Vũng Tàu	THPT Chuyên Lê Quý Đôn
70.	53	Tiền Giang	THPT Chuyên Tiền Giang

TT	Mã Tỉnh /Thành phố	Tỉnh/Thành phố	Tên trường
71.	54	Kiên Giang	THPT chuyên Huỳnh Mẫn Đạt
72.	55	Cần Thơ	THPT Chuyên Lý Tự Trọng
73.	56	Bến Tre	THPT Chuyên Bến Tre
74.	57	Vĩnh Long	THPT chuyên Nguyễn Bình Khiêm
75.	58	Trà Vinh	THPT Chuyên Nguyễn Thiện Thành
76.	58	Trà Vinh	THPT Chuyên Trà Vinh
77.	59	Sóc Trăng	THPT Chuyên Nguyễn Thị Minh Khai
78.	60	Bạc Liêu	THPT Chuyên Bạc Liêu
79.	61	Cà Mau	THPT Chuyên Phan Ngọc Hiển
80.	62	Điện Biên	THPT Chuyên Lê Quý Đôn
81.	63	Đắk Nông	THPT Chuyên Nguyễn Chí Thanh
82.	64	Hậu Giang	THPT chuyên Vị Thanh

Phiếu đăng ký xét tuyển thẳng thí sinh theo quy định của Bộ GD&ĐT (điểm a, b, c, d, đ, e khoản 2 Điều 7 của Quy chế tuyển sinh hiện hành)

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**PHIẾU ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN THĂNG
VÀO ĐẠI HỌC NĂM 2021**

(Sử dụng cho thí sinh thuộc diện xét tuyển thẳng theo quy định tại các điểm a, b, c, d, đ, e, khoản 2 Điều 7 của Quy chế tuyển sinh)

Ảnh 4x6

1. Họ và tên thí sinh (Viết đúng như giấy khai sinh bằng chữ in hoa có dấu)

..... (nữ ghi 1, nam ghi 0)

Giới ☐

2. Ngày, tháng và 2 số cuối của năm sinh:

(Nếu ngày và tháng năm sinh nhỏ hơn 10 thì ghi số 0 vào ô đầu)

ngày

tháng

năm

3. Số CMND (như hồ sơ đăng ký dự thi)

4. Điện thoại (như hồ sơ đăng ký dự thi):

Email:

5. Nơi sinh (tỉnh, thành phố):

6. Năm tốt nghiệp THPT **7. Năm đoạt giải:**

8. Môn đoạt giải, loại giải, huy chương

Môn đoạt giải

Loại giải, loại huy chương

9. Trong đội tuyển Olympic khu vực và quốc tế năm 20... môn:

10. Đăng ký xét tuyển thẳng vào trường/ngành học:

Số TT	Mã trường (chữ in hoa)	Mã nhóm ngành	Tên nhóm ngành
1			
2			
3			
...			

11. Địa chỉ báo tin:

.....
.....
.....

Tôi xin cam đoan những lời khai trên là đúng sự thật. Nếu sai tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm.

Xác nhận thí sinh khai hồ sơ này là học sinh lớp
12
trường

đã khai đúng sự thật.

Ngày tháng năm 20...

Hiệu trưởng

(Ký tên, đóng dấu)

Ngày tháng năm 2021

Họ và tên, chữ ký của thí sinh

Phiếu đăng ký xét tuyển thẳng dành cho thí sinh thuộc diện 30a/2008/NQ-CP
BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHIẾU ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN THẲNG
VÀO ĐẠI HỌC NĂM 2021

(Sử dụng cho thí sinh thuộc diện xét tuyển thẳng theo quy định tại điểm i, khoản 2 Điều 7 của Quy chế tuyển sinh)

Ảnh 4x6

1. Họ và tên thí sinh (Viết đúng như giấy khai sinh bằng chữ in hoa có dấu)
 (nữ ghi 1, nam ghi 0)

Giới ☐

2. Ngày, tháng và 2 số cuối của năm sinh

(Nếu ngày và tháng năm sinh nhỏ hơn 10 thì ghi số 0 vào ô đầu)

----------------------	----------------------	----------------------	----------------------	----------------------	----------------------

ngày tháng năm

3. Số CMND (như hồ sơ đăng ký dự thi)

----------------------	----------------------	----------------------	----------------------	----------------------	----------------------	----------------------	----------------------

4. Điện thoại (như hồ sơ đăng ký dự thi):

Email:

5. Hộ khẩu thường trú (Ghi rõ xã, huyện, tỉnh).....

.....

6. Dân tộc:

7. Nơi học THPT hoặc tương đương:

- Năm lớp 10:
- Năm lớp 11:
- Năm lớp 12:

8. Năm tốt nghiệp THPT:.....

9. Học lực: Năm lớp 10:; Năm lớp 11:; Năm lớp 12:

10. Đăng ký xét tuyển thẳng vào trường/ngành học:

Số TT	Mã trường (chữ in hoa)	Mã nhóm ngành	Tên nhóm ngành
1			
2			
3			
.....			

11. Địa chỉ báo tin:

.....

Điện thoại:.....Email:.....

Tôi xin cam đoan những lời khai trên là đúng sự thật. Nếu sai tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm.

Xác nhận thí sinh khai hồ sơ này là học sinh lớp 12 trường.....

Ngày tháng năm 2021

Họ và tên, Chữ ký của thí sinh

đã khai đúng sự thật.

Ngày tháng năm 20...

Hiệu trưởng

(Ký tên, đóng dấu)

Phiếu đăng ký xét tuyển thẳng thí sinh theo quy định của ĐHQGHN
ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
KHOA CÁC KHOA HỌC LIÊN NGÀNH **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**PHIẾU ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN THĂNG
 VÀO ĐẠI HỌC NĂM 2021**

(Dành cho đối tượng xét tuyển thẳng theo quy định của ĐHQGHN)

Ảnh 4x6

1. Họ và tên thí sinh (Viết đúng như giấy khai sinh bằng chữ in hoa có dấu)

..... (nữ ghi 1, nam ghi 0) **Giới** ☐

2. Ngày, tháng và 2 số cuối của năm sinh

(Nếu ngày và tháng sinh nhỏ hơn 10 thì ghi số 0 vào ô đầu)

ngày tháng năm

3. Số CMND/CCCD (như hồ sơ đăng ký dự thi:

4. Hộ khẩu thường trú (ghi rõ xã/phường, huyện/quận, tỉnh/TP):.....

5. Thông tin về quá trình học tập tại trường THPT (tên trường, học lực, hạnh kiểm):

- Lớp 10: Hạnh kiểm:..... TBCHT: HKI.....HKII.....

- Lớp 11: Hạnh kiểm:..... TBCHT: HKI.....HKII.....

- Lớp 12: Hạnh kiểm:..... TBCHT: HKI.....HKII.....

- Học sinh hệ chuyên: ☐ Tên môn/lớp/khối chuyên:.....

6. Môn đoạt giải, loại giải, huy chương:

Cấp đoạt giải: Olympic ☐ **Quốc gia:** ☐ **ĐHQGHN** ☐ **Tỉnh/TP** ☐

Môn đoạt giải:

Loại giải:

7. Đăng ký xét tuyển thẳng vào trường/ngành học (xếp theo thứ tự ưu tiên):

Thứ tự ưu tiên	Mã trường	Mã nhóm ngành	Tên nhóm ngành
1	QHK		
2	QHK		

8. Địa chỉ báo tin:.....

Điện thoại:.....Email:.....

Xác nhận thí sinh khai hồ sơ này là học sinh lớp 12 Ngày..... tháng..... năm 20...

Trường.....

đã khai đúng sự thật.

HIỆU TRƯỞNG

(Ký tên, đóng dấu)

Thí sinh

(Ký và ghi rõ họ tên)

Phiếu đăng ký ưu tiên xét tuyển thí sinh theo quy định của Bộ GD&ĐT và của ĐHQGHN

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**PHIẾU ĐĂNG KÝ ƯU TIÊN XÉT TUYỂN
VÀO ĐẠI HỌC NĂM 2021**

Ảnh 4x6

1. Họ và tên thí sinh (Viết đúng như giấy khai sinh bằng chữ in hoa có dấu)

..... (nữ ghi 1, nam ghi 0)

Giới ☐

2. Ngày, tháng và 2 số cuối của năm sinh

(Nếu ngày và tháng năm sinh nhỏ hơn 10 thì ghi số 0 vào ô đầu)

ngày

tháng

năm

3. Số CMND, CCCD (như hồ sơ đăng ký dự thi)

4. Điện thoại (như hồ sơ đăng ký dự thi): **Email:**.....

5. Nơi sinh (ghi tỉnh, thành phố).

6. Môn đoạt giải: **Loại giải, huy chương:**

7. Năm đoạt giải: **8. Năm tốt nghiệp THPT:**

9. Đăng ký ưu tiên xét tuyển (ghi như hồ sơ đăng ký dự thi):

Số TT	Mã trường (chữ in hoa)	Mã nhóm ngành	Tên nhóm ngành
1			
2			
3			
4			
5			
...			
...			

Tôi xin cam đoan những lời khai trên là đúng sự thật. Nếu sai tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm.

Xác nhận thí sinh khai hồ sơ này là học sinh lớp
12

Trưởng đã khai
đúng sự thật.

Ngày tháng năm 20...

Hiệu trưởng
(Ký tên, đóng dấu)

Ngày tháng năm 20...
Họ và tên, Chữ ký của thí sinh

Phiếu đăng kí xét tuyển đối với thí sinh sử dụng chứng chỉ A-Level

ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI
KHOA CÁC KHOA HỌC LIÊN NGÀNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số hồ sơ (cán bộ tuyển sinh ghi).....

Ngày nhận:/...../2021

ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN ĐẠI HỌC CHÍNH QUY NĂM 2021

(Dùng cho thí sinh sử dụng chứng chỉ A-Level để xét tuyển vào ĐHQGHN)

A. THÔNG TIN CHUNG

1. Họ và tên thí sinh (viết hoa): 2. Giới tính:
3. Email: 4. Ngày, tháng, năm sinh:/...../.....
5. Nơi sinh: 6. Dân tộc:
7. Số Chứng minh nhân dân/Căn cước công dân:
8. Nơi học trung học phổ thông (THPT) hoặc tương đương
- Năm lớp 10: Năm lớp 11:
- Năm lớp 12: Năm tốt nghiệp THPT:.....
9. Hộ khẩu thường trú trong thời gian học THPT:
- Tỉnh/Thành:, Quận/Huyện/Thị xã:....., Xã/TT/Phường:

B. KẾT QUẢ CHỨNG CHỈ A - LEVEL CỦA TRUNG TÂM KHẢO THÍ ĐẠI HỌC CAMBRIDGE

10. Năm thi:.....

11. Tổ hợp các môn thi xét tuyển (Kê khai điểm thi 3 môn tổ hợp theo nhóm ngành ĐKXT)

Môn thi	Điểm thi	Tổng điểm
1) Toán		
2) Vật lý		
3) Hóa học		
4) Sinh học		
5) Ngữ văn		
6) Lịch sử		
7)		

C. ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN

12. Đơn vị: Khoa Các khoa học liên ngành, Đại học Quốc gia Hà Nội

Nguyện vọng 1: Nhóm ngành học 1: Mã nhóm ngành:.....

Nguyện vọng 2: Nhóm ngành học 2: Mã nhóm ngành:.....

D. LỆ PHÍ: 30.000 đồng/hồ sơ, gửi kèm theo Phiếu ĐKXT tới BPTS của Khoa Các khoa học liên ngành (phòng 402, nhà G7, Khoa Các khoa học liên ngành, số 144, Xuân Thủy, Cầu Giấy, Hà Nội).

E. THÔNG TIN LIÊN LẠC

13. Họ và tên:.....14. Điện thoại:.....

15. Địa chỉ:.....

.....

Tôi xin cam đoan những thông tin trên là đúng và cam kết thực hiện đúng Quy chế tuyển sinh đại học trình độ đại học hiện hành của Bộ GDĐT và Hướng dẫn tuyển sinh đại học chính quy năm 2021 của ĐHQGHN. Nếu có sai sót, tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm trước HĐTS và pháp luật./.

Ngày tháng năm 2021

NGƯỜI ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN

(ký và ghi đầy đủ họ tên)

Phiếu ĐKXT đối với thí sinh sử dụng chứng chỉ quốc tế SAT

ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI
KHOA CÁC KHOA HỌC LIÊN NGÀNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số hồ sơ (cán bộ tuyển sinh ghi).....

Ngày nhận...../...../.....

ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN ĐẠI HỌC CHÍNH QUY NĂM 2021

(Dùng cho thí sinh sử dụng chứng chỉ quốc tế SAT để xét tuyển vào ĐHQGHN)

A. THÔNG TIN CHUNG

1. Họ và tên thí sinh (viết hoa): 2. Giới tính:
3. Email: 4. Ngày, tháng, năm sinh:/...../.....
5. Nơi sinh: 6. Dân tộc:
7. Số chứng minh nhân dân/Thẻ căn cước công dân:
8. Nơi học trung học phổ thông (THPT) hoặc tương đương
- Năm lớp 10: Năm lớp 11:
- Năm lớp 12: Năm tốt nghiệp THPT:.....
9. Hộ khẩu thường trú trong thời gian học THPT:
- Tỉnh/Thành:, Quận/Huyện/Thị xã:....., Xã/TT/Phường:

B. KẾT QUẢ KỲ THI CHUẨN HÓA SAT - Scholastic Assessment Test

10. Năm thi:
11. Điểm thi:

C. ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN

12. Đơn vị: Khoa Các khoa học liên ngành, Đại học Quốc gia Hà Nội

Nguyện vọng 1: Nhóm ngành học 1: Mã nhóm ngành:.....

Nguyện vọng 2: Nhóm ngành học 2: Mã nhóm ngành:.....

D. LỆ PHÍ: 30.000 đồng/hồ sơ, gửi kèm theo Phiếu ĐKXT tới HĐTS của Khoa Các khoa học liên ngành (phòng 402, nhà G7, Khoa Các khoa học liên ngành, 144, Xuân Thủy, Cầu Giấy, Hà Nội).

E. THÔNG TIN LIÊN LẠC

13. Họ và tên:.....
14. Điện thoại:.....Email:
15. Địa chỉ:

Tôi xin cam đoan những thông tin trên là đúng và cam kết thực hiện đúng Quy chế tuyển sinh đại học trình độ đại học hiện hành của Bộ GDĐT và Hướng dẫn tuyển sinh đại học chính quy năm 2021 của ĐHQGHN. Nếu có sai sót, tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm trước HĐTS và pháp luật.

....., ngày tháng năm 2021

NGƯỜI ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN

(ký và ghi đầy đủ họ tên)

Phiếu ĐKXT đối với thí sinh sử dụng chứng chỉ IELTS.

ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI
KHOA CÁC KHOA HỌC LIÊN NGÀNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số hồ sơ (cán bộ tuyển sinh ghi)
 Ngày nhận

ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN ĐẠI HỌC CHÍNH QUY NĂM 2021

(Dùng cho thí sinh sử dụng chứng chỉ IELTS để xét tuyển vào ĐHQGHN)

A. THÔNG TIN CHUNG

1. Họ và tên thí sinh (viết hoa): 2. Giới tính:
3. Email: 4. Ngày, tháng, năm sinh:/...../.....
5. Nơi sinh: 6. Dân tộc:
7. Số chứng minh nhân dân/Thẻ căn cước công dân:
8. Nơi học trung học phổ thông (THPT) hoặc tương đương
 Năm lớp 10: Năm lớp 11:
 Năm lớp 12: Năm tốt nghiệp THPT:.....
9. Hộ khẩu thường trú trong thời gian học THPT:
 Tỉnh/Thành:, Quận/Huyện/Thị xã:, Xã/TT/Phường:

B. KẾT QUẢ KỲ THI TN THPT năm 2021 và kết quả chứng chỉ IELTS

10. Môn 1 (Toán/ Văn): 11. Môn 2 (.....):
12. Kết quả IELTS:
13. Ngày thi IELTS:.....

C. ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN

14. Trường Đại học thành viên /Khoa trực thuộc:,
Nguyện vọng 1: Nhóm ngành học 1: Mã nhóm ngành:.....
Nguyện vọng 2: Nhóm ngành học 2: Mã nhóm ngành:.....

D. LỆ PHÍ: 30.000 đồng/hồ sơ, gửi kèm theo Phiếu ĐKXT tới HĐTS của Khoa CKHLN (phòng 506, nhà G7, Khoa Các khoa học liên ngành, số 144, Xuân Thủy, Cầu Giấy, Hà Nội).

E. THÔNG TIN LIÊN LẠC

15. Họ và tên:.....
16. Điện thoại:..... Email:
17. Địa chỉ:.....

Tôi xin cam đoan những thông tin trên là đúng và cam kết thực hiện đúng Quy chế tuyển sinh đại học trình độ đại học hiện hành của Bộ GDĐT và Hướng dẫn tuyển sinh đại học chính quy năm 2021 của ĐHQGHN. Nếu có sai sót, tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm trước HĐTS và pháp luật.

Ngày tháng năm 2021
NGƯỜI ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN
(ký và ghi đầy đủ họ tên)

Phiếu ĐKXT đối với thí sinh sử dụng chứng chỉ quốc tế ACT

ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI
KHOA CÁC KHOA HỌC LIÊN NGÀNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số hồ sơ (cán bộ tuyển sinh ghi)

Ngày nhận

ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN ĐẠI HỌC CHÍNH QUY NĂM 2021

(Dùng cho thí sinh sử dụng chứng chỉ quốc tế ACT để xét tuyển vào ĐHQGHN)

A. THÔNG TIN CHUNG

1. Họ và tên thí sinh (viết hoa): 2. Giới tính:
3. Email: 4. Ngày, tháng, năm sinh:/...../.....
5. Nơi sinh: 6. Dân tộc:
7. Số chứng minh nhân dân/Thẻ căn cước công dân:
8. Nơi học trung học phổ thông (THPT) hoặc tương đương
 Năm lớp 10: Năm lớp 11:
 Năm lớp 12: Năm tốt nghiệp THPT:.....
9. Hộ khẩu thường trú trong thời gian học THPT:
 Tỉnh/Thành:, Quận/Huyện/Thị xã: ,
 Xã/TT/Phường:

B. KẾT QUẢ KỲ THI CHUẨN HÓA ACT - American College Testing

10. Năm thi:
11. Điểm thi:
 (trong đó, điểm môn Toán (Mathematics): điểm môn Khoa học (Science):.....)

C. ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN

12. Trường Đại học thành viên hoặc Khoa trực thuộc:,
 Nguyên vọng 1: Nhóm ngành học 1: Mã nhóm ngành:.....
 Nguyên vọng 2: Nhóm ngành học 2: Mã nhóm ngành:.....

D. LỆ PHÍ: 30.000 đồng/hồ sơ, gửi kèm theo Phiếu ĐKXT tới HĐTS của Khoa CKHLN (phòng 402, nhà G7, Khoa Các khoa học liên ngành, số 144, Xuân Thủy, Cầu Giấy, HN).

E. THÔNG TIN LIÊN LẠC

13. Họ và tên:.....
14. Điện thoại:..... Email:
15. Địa chỉ:

Tôi xin cam đoan những thông tin trên là đúng và cam kết thực hiện đúng Quy chế tuyển sinh đại học trình độ đại học hiện hành của Bộ GDĐT và Hướng dẫn tuyển sinh đại học chính quy năm 2021 của ĐHQGHN. Nếu có sai sót, tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm trước HĐTS và pháp luật.

Ngày.....tháng.....năm 2021
NGƯỜI ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN
(ký và ghi đầy đủ họ tên)